

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN

Số: 447 /BVBD-VTTBYT
V/v: mời gửi báo giá cung
ứng Vật tư tiêu hao, hóa chất
& Công cụ dụng cụ tại Bệnh
viện Bưu Điện năm 2025 –
2026 - 2027 (Đợt 1 năm
2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bưu điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bưu điện

Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận: Đoàn Ngọc Long
- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT
- SĐT: 0941.018.286

II. Thành phần báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 01 đính kèm: Bản gốc có ký đóng dấu người đại diện pháp luật.

- Quyết định trúng thầu tại Cơ sở y tế khác, không phải tại Bệnh viện Bưu điện (sau đây viết tắt là: *Quyết định trúng thầu*); ưu tiên đã ký trong vòng 1 năm trở lại đây tính từ ngày 10/02/2026 hoặc trước đó (nếu có và đánh giá còn hợp lý): Bản sao y, đóng dấu công ty.

III. Nội dung yêu cầu trong báo giá và trên Quyết định trúng thầu:

1. Nội dung yêu cầu trong báo giá gồm tối thiểu các thông tin sau đây:

- Danh mục vật tư tiêu hao và hóa chất: *Chi tiết tại các phụ lục 02 đính kèm. Chào theo mẫu tại Phụ lục 01.*

- Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 1: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 2: Số 1 phố Yên Bái II, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian giao hàng dự kiến: **Chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm.**

- Thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng và hóa đơn.

- Các thông tin khác (nếu có).

2. Nội dung yêu cầu trên Quyết định trúng thầu (viết tắt: QĐTT):

- Bôi đậm (Highlight) danh mục được tham chiếu giá.
- Tại mỗi danh mục được tham chiếu giá trên QĐTT, Công ty ghi “Mã yêu cầu” (G....) để thuận lợi đối chiếu.

IV. Cách thức, thời gian tiếp nhận, hiệu lực báo giá:

1. Gửi trực tiếp đến địa chỉ:

Tầng 6- phòng Vật tư –TBYT, Bệnh viện Bưu điện, Số 49 phố Trần Diên, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Gửi bản Quyết định trúng thầu tại CSYT khác, File excel và scan báo giá ký người đại diện pháp luật vào email: vtbtyt.bvbd01072013@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 10/02/2026 đến trước 17h ngày 27/02/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 720 ngày kể từ ngày 27/02/2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Trường Giang

PHỤ LỤC 01
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 447/BVBD-VTTBYT ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Bưu điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bưu điện

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bưu điện, chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Mã yêu cầu ⁽¹⁾	Danh mục Hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽³⁾	Hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng chính ⁽⁸⁾	Số lượng tùy chọn mua thêm ⁽⁹⁾	Đơn giá ⁽¹⁰⁾ (đồng)	Đơn vị tính ⁽¹¹⁾	Thành tiền ⁽¹²⁾ (đồng)	Mô tả tính năng kỹ thuật ⁽¹³⁾	QĐTT tham chiếu	
														Đơn giá trúng thầu (đồng) ⁽¹⁴⁾	Quyết định số ngày của ... ⁽¹⁵⁾
1												Cách tính: (12) = [(8) + (9)] * (10).			
2															
3															
4															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục IV - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 15.

(1) Là “Mã yêu cầu” nêu tại các Phụ lục.

(2) Là Tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” nêu tại các Phụ lục 02 đính kèm.

(3) Là ký hiệu, mã hiệu, model của hàng hóa.

(4) Là Hãng sản xuất.

(5) Là mã HS của từng hàng hóa.

(6), (7) Là năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.

(8) Là số lượng, khối lượng chính nêu trong Yêu cầu báo giá.

(9) Là số lượng, khối lượng tùy chọn mua thêm nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Là đơn giá chào (đã bao gồm đầy đủ thuế, phí/lệ phí, chi phí vận chuyển, bản giao và dịch vụ khác liên quan).

(12): Cách tính: $(12) = (8 + 9) * (10)$. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (đồng). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15): Ví dụ: Quyết định số 123/QĐ-BV ngày 12/3/2025 của Bệnh viện A

(16): Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
1	G1.270	Chỉ phẫu thuật tán tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn, dạng không thắt nút có 2 hàng neo ép đối xứng. Cỡ chỉ số 1 dài 45cm, 1 đầu tự khóa - 1 kim tròn đầu tròn dài 40mm 1/2 vòng tròn	Cái	252	72	24 tháng	Chi phẫu thuật tán tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn Irgacare MP hoặc tương đương, dạng không thắt nút có 2 hàng neo ép đối xứng, có 5 neo trên 1cm, đoạn dẫn không có neo dài 19mm. Cỡ chỉ số 1 dài ≥ 45cm, 1 đầu tự khóa hình chữ nhật 2,54 x 5,08mm - 1 kim tròn đầu tròn dài 40mm(± 51 mm) 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. - Chiều liệu mềm mại, có thể lún ống đến 29 ngày - Thiết kế ống giống với đường cong sinh lý của đường khí quản - Bông chèn giúp hạn chế việc rò dịch xuống phổi - Tai ống trong suốt và mềm mại giúp hạn chế tổn thương vùng da cổ cho bệnh nhân Kích cỡ: Số 6.5mm (Đường kính ngoài trong ≥ 5.5mm, đường kính ngoài nóng ngoài ≤ 9.4mm, đường kính trong nóng ngoài ≥ 6.5mm, chiều dài ≤ 62mm, đường kính bóng chèn ≤ 20.6mm) Số 7.0mm (Đường kính ngoài trong ≥ 6.0mm, đường kính ngoài nóng ngoài ≤ 10.1mm, đường kính trong nóng ngoài ≥ 7.0mm, chiều dài ≤ 68mm, đường kính bóng chèn ≤ 23.0mm) Số 7.5mm (Đường kính ngoài trong ≥ 6.5mm, đường kính ngoài nóng ngoài ≤ 10.8mm, đường kính trong nóng ngoài ≥ 7.5mm, chiều dài ≤ 74mm, đường kính bóng chèn ≤ 25.4mm) Số 8.0mm (Đường kính ngoài trong ≥ 7.0mm, đường kính ngoài nóng ngoài ≤ 11.4, đường kính trong nóng ngoài ≥ 8.0mm, chiều dài ≤ 77mm, đường kính bóng chèn ≤ 25.4mm) Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukoocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số dưới dây như sau hoặc rộng hơn Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin LeukoCyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 5-9 SG: 1.000-1.030 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL Trên thanh thử có miếng dán có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. Tương thích với máy phân tích nước tiểu đang sử dụng tại Bệnh viện. - Điện cực chuyển mạch dạng kim có 2 thân kim riêng biệt. - Có 2 loại điện cực: điện cực làm mát bên trong và điện cực làm mát bên trong kèm tuổi ướt - Mỗi kim đều có cảm biến nhiệt độ và cấp RF riêng biệt - Có 1 hệ thống làm mát thông nhất. - Tạo ra vùng đốt lớn hơn so với điện cực đơn nhờ phương pháp đốt tuần tự văng cách chuyển đổi kim - Đường kính kim tối thiểu các cỡ: 15G và 17G - Chiều dài thân kim tối thiểu các cỡ: 15cm, 20cm và 25cm tùy từng loại kim - Chiều dài đầu phát nhiệt từ : 0.5cm-4.0cm. Tối thiểu có 4 tùy chọn mỗi loại. - Tương thích với máy đốt sóng cao tần M3004 hãng RF Medical của bệnh viện. - Điện cực chuyển mạch dạng kim có 3 thân kim riêng biệt. - Có 2 loại điện cực: điện cực làm mát bên trong và điện cực làm mát bên trong kèm tuổi ướt - Mỗi kim đều có cảm biến nhiệt độ và cấp RF riêng biệt - Có 1 hệ thống làm mát thông nhất. - Tạo ra vùng đốt lớn hơn so với điện cực đơn nhờ phương pháp đốt tuần tự văng cách chuyển đổi kim - Đường kính kim tối thiểu các cỡ: 15G và 17G - Chiều dài thân kim tối thiểu các cỡ: 15cm, 20cm và 25cm tùy từng loại kim - Chiều dài đầu phát nhiệt từ : 0.5cm-4.0cm. Tối thiểu có 7 tùy chọn mỗi loại. - Tương thích với máy đốt sóng cao tần M3004 hãng RF Medical của bệnh viện. - Công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: hydrophilic - Chiều dài 180 cm, 300 cm. - Đầu tip dạng thẳng - Khả năng tái đầu tip 30gf. - Đường kính 0.018 inch	Châu Mỹ	
2	G4.2	Canuyn mở khí quản có bông chèn các cỡ	Cái	90	27	24 tháng		Không yêu cầu	
3	G6.395	Thanh thử nước tiểu 10 thông số	Thanh	53.300	15.900	24 tháng		Không yêu cầu	
4	G5.216	Kim đốt sóng cao tần đôi kim	Cái	8	2	24 tháng		Không yêu cầu	
5	G5.217	Kim đốt sóng cao tần ba kim	Cái	8	2	24 tháng		Không yêu cầu	
6	G5.219	Ví dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Cái	20	6	24 tháng		Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
7	G3.640	Miếng ghép đĩa đệm đường bên	Cái	11	3	12 tháng	Miếng ghép đĩa đệm chất liệu hợp chất Ti6Al4V Eli sử dụng trong kỹ thuật có định nội soi cột sống trung và xấp xỉ. Có tất quan sát tốt thông qua X-quang hoặc ảnh chụp CT. Loại thẳng: Chiều cao từ 8 đến 17mm (bước tăng 1mm), chiều dài 22mm, 36mm và 32mm; chiều rộng 10mm. Loại uốn: 0° và 6°. Dung tích không gian nghiệp xương từ 0,24cc đến 0,98cc. Đồng giới tiết trung.	Châu Âu hoặc G7	
8	G3.676	Mũi khoan tròn kim cương dùng cho nội soi cột sống	Cái	5	-	12 tháng	Mũi khoan đầu kim cương, đầu tròn. Thân dài từ 250mm - 270mm, đường kính ngoài từ 2,0mm - 4,0mm.	G7	
9	G3.669	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	16	4	12 tháng	Nẹp thẳng 4 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Chiều dài: từ 21mm - 31mm. Độ dày: từ 0,6mm - ≤ 1mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	G7	
10	G3.670	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	22	6	12 tháng	Nẹp thẳng 6 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Chiều dài: từ 30mm - 40mm. Độ dày: từ 0,75mm - ≤ 1mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	G7	
11	G3.671	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	12	3	12 tháng	Nẹp thẳng 8 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Độ dày: từ 0,75mm - ≤ 1mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chiều dài: từ 38mm - 49mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	G7	
12	G3.672.1	Vít mini titan hàm mặt cỡ 2,0mm	Cái	134	-	12 tháng	- Vít tự tảo, mũi vít hình chữ thập, đường kính mũi vít $\phi \leq 3,0\text{mm}$ - Đường kính thân vít 2,0mm, dài $\geq 6\text{mm}$ và $\leq 11\text{mm}$ - Bước ren $\leq 0,75\text{mm}$ - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. - Tương thích với dụng cụ hệ mini 2,0mm.	G7	
13	G3.249.1	Clip titan kẹp phình mạch máu não	Cái	9	2	12 tháng	- Hàm kẹp gồm dụng thẳng, cong/gấp góc, lưỡi lỗ - Độ dài hàm kẹp từ 3mm đến 25mm. - Độ mở rộng hàm từ 3,2mm đến 13,3mm. - Lực kẹp: 1,47N; 1,77N; 1,96N. - Lực kẹp được đo tại 1/3 chiều dài hàm với độ mở rộng hàm 1,0mm $\pm 2\%$. - Loại có lỗ tròn đường kính 5,0 mm - Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có răng tăng ma sát. - Chất liệu hợp kim titanium hoặc tương đương. - Clip được mã hóa bằng màu sắc. - Đồng giới tiết trung và không tiết trung	G7	
14	G3.190.20	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Biolox Ceramic on XPE có vitamin E, chòm 28/22/36mm	Bộ	43	12	12 tháng	Yêu cầu chảo đơn giả chỉ tiết từng bộ phần cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhằm và phủ HA tối thiểu 0,08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm. Có các lỗ vít với hướng xoay khoảng 32 độ. 2. Lóp lót: chất liệu Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Lóp lót có tối thiểu 2 dạng 0 độ và 20 độ. Đường kính trong gồm tối thiểu các loại 28mm, 32mm, 36mm. 3. Chòm khớp: chất liệu Ceramic Biolox Delta. Kích thước: 28mm ($-2,5/+1/+4$), 32mm ($-3/+1/+5/+8$), 36mm ($-3/+1/+5/+9$) với taper 12/14. 4. Chuôi xương đùi không xi măng: loại có định đầu gần, cổ tron, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhằm. Độ rộng bề ngang từ $\leq 23\text{mm}$ đến $\geq 43\text{mm}$. Góc cổ khoảng 130 độ với đầu taper 12/14. Có 2 sự lựa chọn: offset thông thường có tối thiểu 16 cỡ chiều dài từ $\leq 115\text{mm}$ - $\geq 160\text{mm}$ và offset dài có tối thiểu 15 cỡ dài từ ≤ 120 - ≥ 160 mm. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 - $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm.	Không yêu cầu	
15	G3.190.22	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài, CoCr on XPE có vitamin E, chòm 28/22/36mm	Bộ	10	3	12 tháng	Yêu cầu chảo đơn giả chỉ tiết từng bộ phần cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhằm và phủ HA tối thiểu 0,08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm. Có các lỗ vít với hướng xoay khoảng 32 độ. 2. Lóp lót: chất liệu Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Lóp lót có tối thiểu 2 dạng 0 độ và 20 độ. Đường kính trong gồm tối thiểu các loại 28mm, 32mm, 36mm. 3. Chòm khớp: chất liệu Cobalt Chrome. Kích thước 28mm ($-3\text{mm}; +0\text{mm}; +2,5\text{mm}; +5\text{mm}; +7,5\text{mm}; +10\text{mm}$), 32mm ($-3\text{mm}; +0\text{mm}; +2,5\text{mm}; +5\text{mm}; +7,5\text{mm}; +10\text{mm}$) và chòm 36mm ($-3\text{mm}; +0\text{mm}; +5\text{mm}; +10\text{mm}$). 4. Chuôi dài không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. Dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ tron, phun Titanium Plasma nhằm toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14. Chuôi có 2 dạng: dụng thẳng có chiều dài khoảng 180mm và dạng cong có chiều dài khoảng 230mm với tối thiểu 7 cỡ đường kính đầu xa từ $\leq 11\text{mm}$ - $\geq 18\text{mm}$ mỗi bên trái, phải. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 - $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm.	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
16	G3.629	Miếng ghép bù xương lõi cầu, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	12 tháng	- Vật liệu Cobalt Chrome - Dạng cánh tròn cho phần xương lõi cầu sau và dạng cạnh vuông cho phần đầu xa xương đùi dài với cả khoảng trong và khoảng ngoài - Độ dày cho khoảng trong và khoảng ngoài hoặc lõi cầu phía sau xương đùi có kích thước từ 4mm - 16mm trong đó có tối thiểu 2 cỡ 4mm và 8mm.	Không yêu cầu	
17	G3.450	Dẫn lưu não thất ngoài, kèm Catheter dẫn lưu não thất	Bộ	9	2	12 tháng	- Catheter não thất dài 35±10 cm, đường kính trong ≥1,5 mm, đường kính ngoài >2,8 mm - Có vent/ống lọc khí kháng khuẩn - Có vị trí để lấy dịch não tủy đi xét nghiệm và vị trí để tiêm thuốc, hòa chất vào não thất - Khóa 4 chiều	Không yêu cầu	
18	G3.251.2	Dẫn lưu dịch não tủy ngoài tiêu chuẩn kèm catheter dẫn lưu não thất	Bộ	9	2	12 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Van chống trào ngược, có công lấy mẫu, vent/ống lọc khí kháng khuẩn. Khóa 4 chiều. Thể tích buồng dẫn lưu não tủy ≥ 50ml, thể tích túi dẫn lưu ≥ 700ml. Thương đo áp lực theo cmH2O và mmHg. 2. Catheter não thất dài ≥ 20cm, có tối thiểu 2 loại đường kính ngoài: 2,5mm và 3,0mm, có dung cụ đặt thả catheter ≥ 26cm.	G7	
19	G3.725	Vít đa trục rộng ruột dùng để bơm xi măng tiết trung kèm vít khóa trong	Bộ	30	-	12 tháng	1. Vít đa trục: + Vật liệu: Hợp kim Titanium. + Thân vít: Có ≥9 lỗ. Thân vít rộng, có đường kính trong 1,8mm. Đầu mũi vít có đường kính trong 1,35mm. Đường kính: 5, 6, 7mm. Chiều dài: từ 35mm đến 60mm, bước tăng 5mm. 2. Vít khóa trong: - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Hình lục giác. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.	Châu Âu	
20	G3.654	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bền	Cái	10	3	12 tháng	- Vật liệu: PEEK - Có ít nhất 2 điểm đánh dấu bằng tantalum - Khoảng cách từ thành phía trước đến điểm đánh dấu: ≥2mm - Khoảng cách từ thành phía sau đến điểm đánh dấu: ≥5mm - Độ sâu rãnh cực: ≥0,9mm - Thể tích xương ghép: trong khoảng từ 0,5cc - 1,1cc - Kích cỡ: + Chiều dài: ≥28mm + Chiều rộng: ≥11mm - Chiều cao: trong khoảng 8-14mm + Độ ưỡn: trong khoảng 3 độ - 5 độ - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Châu Âu	
21	G3.193.8	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chúi đầu TiAl6V4 phủ HA, kiểu chúi lắp ghép Modular	Bộ	21	6	12 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chùm khớp: Vật liệu CoCrMo/UHMWPE/ Implansteel. Kích thước: ≤ 38mm - 2 60mm. Cỡ head: 22±0,2mm; 28mm 2. Chùm khớp 22±0,2mm/28mm: Vật liệu CoCrMo, Cỡ cỡ: 12/14. Kích thước: Chùm 22±0,2mm có tối thiểu 3 cỡ, chùm 28 có tối thiểu 5 cỡ 3. Chúi dài khớp háng không xi măng: Vật liệu TiAL6V4. Cỡ cỡ 12/14. Kiểu chúi lắp ghép Modular bao gồm Vít chốt khóa cổ chúi: Có tối thiểu 4 cỡ; Cổ chúi khớp: Có tối thiểu 4 cỡ tương đương chiều dài 42, 48, 58, 68mm. Bề mặt phủ HA hoặc titanium. Thân chúi: đường kính từ 13-20mm, dài 142, 172, 212mm	G7	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
22	G3.792	Bộ khớp háng toàn phần thay lại không xi măng 2 trục linh động	Bộ	5	1	12 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Ổ cối không xi măng 2 trục linh động: - Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42mm đến 60mm, bước tăng 2mm. - Mặt ổ cối có 3 móc tăng cường gia cố trong đó 1 móc gấp không có lỗ và 2 móc có 4 lỗ có tia bắt thêm vít gia cố giúp ổ cối vững chắc. 2. 01 Lót ổ cối 2 trục linh động: - Vật liệu UHMWPE - Ultra High Molecular Weight Polyethylene. - Đường kính ngoài phủ hợp với ổ cối đường kính từ 42mm đến 60mm, đường kính trong 22mm và 28mm. 3. 01 Chôm khớp: - Chất liệu CoCrMo hoặc CoCr. - Đường kính gồm các loại: 22mm và 28mm. Cổ cối: 12/14. 4. 01 Chuôi khớp háng không xi măng: - Phủ HAP toàn bộ. - Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ cối: 12/14. Chiều dài chuôi từ 115mm đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, cổ 10 cỡ từ 8-18, chiều dài Offset từ 38mm đến 45mm, độ cao cổ 35mm ±2%, chiều dài cổ 38mm ±2%. - Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vịn giúp tháo lắp dễ dàng. 5. 04 Vít ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự tạc, đường kính từ 4mm đến 5mm, độ dài từ 15mm đến 50mm.	G7	
23	G3.584	Khớp vai bán phần có xi măng	Bộ	5	-	12 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi cánh tay có xi măng: vật liệu Ti6Al4V hoặc tương đương, dài 80mm, đường kính tối thiểu 5 cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm 2. Cỏ chuôi: vật liệu Ti6Al4V cùng với vít khóa, tối thiểu 3 cỡ với đường kính x chiều cao: 16x31mm, 16x34mm, 16x37mm 3. Đầu nối: vật liệu Ti6Al4V, có tối thiểu 4 kích cỡ 0, +2, +4, +8 4. Chôm khớp: vật liệu hợp kim CoCrMo, có tối thiểu 8 kích cỡ với đường kính x chiều cao: 40x14, 8mm, 42x15mm, 44x16mm, 46x17mm, 48x18mm, 50x19mm, 52x20mm, 54x21mm 5. Xi măng kháng sinh: Sản phẩm đóng gói tiết trùng sẵn: một ống chứa chất lỏng tiết trùng đặt trong một vỉ và một túi đôi tiết trùng chứa bột. Thành phần: + Gội bột Polyme (>40g): Polymethyl Methacrylate (PMMA), Benzoyl peroxide (BPO), Barium sulphate (BaSO4), Gentamicin sulfate. + Dung dịch (khoảng 16-17g): Methylmethacrylate (MMA), Dimethyl paratoluidine (DMPT) và Hydroquinone (HQ). Chỉ không tan tổng hợp đa sợi được bên với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn, làm bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2750 MPa (có tài liệu chứng minh bởi tổ chức độc lập), có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. - Đường kính kim ≤ 0.67mm - Đạt tiêu chuẩn CE và CFF-FDA	G7	
24	G1.769	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 26mm 1/2C.	Sợi	240	72	24 tháng	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bên với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn, làm bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2750 MPa (có tài liệu chứng minh bởi tổ chức độc lập), có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. - Đường kính kim ≤ 0.67mm - Đạt tiêu chuẩn CE và CFF-FDA	Không yêu cầu	
25	G1.770	Kéo dẫn da thành phần 2-octyl cyanoacrylate, dung tích 0,7ml	Ống	480	144	24 tháng	Kéo dẫn da thành phần 2-octyl cyanoacrylate. Ống thủy tinh chứa 0,7ml dung dịch keo được bọc ngoài bằng nhựa dẻo (hoạt tính tương đương). Dung dịch có màu tím để xác định độ dày lớp keo. Có khả năng ngăn ngừa vi khuẩn ≥ 99% trong vòng 72 giờ. Lực giữ vết thương khi sử dụng kết hợp keo dán da và chỉ phẫu thuật ≥ 320 mmHg. Đạt tiêu chuẩn CE và CFF-FDA.	G7	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
26	G3.796	Bộ khớp vai bán phần có xi măng độ nhớt cao	Bộ	10	3	24 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chỉ tiết cho từng bộ phần cấu thành bộ: - Chôm khớp - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính gồm các loại từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 50\text{mm}$ - Vòng đệm kết nối chòm khớp vai - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Cổ nối nối chúi khớp vai - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Góc nghiêng từ 0 độ đến ≥ 14 độ - Chúi khớp - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Chiều dài chúi gồm các loại 120mm (Sai số $\pm 5\%$), 180mm (Sai số $\pm 5\%$). - Đường kính từ $\leq 7\text{mm}$ đến $\geq 12\text{mm}$ - Góc cổ chân 135 độ (Sai số $\pm 5\%$). - Có tối thiểu 6 lỗ luồn chỉ. - Xi măng độ nhớt cao, thời gian trộn ≤ 30 giây, thời gian đợi ≤ 2 phút thời gian làm việc khoảng 6 phút, thời gian đông cứng ≤ 4 phút ở nhiệt độ phòng 21 độ C Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần cân quang và kết dính, có kháng sinh. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.	G7	
27	G3.797	Bộ khớp vai toàn phần có xi măng độ nhớt cao	Bộ	10	3	24 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chỉ tiết cho từng bộ phần cấu thành bộ: - Chôm khớp - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính gồm các loại từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 50\text{mm}$ - Vòng đệm kết nối chòm khớp vai - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Cổ nối nối chúi khớp vai - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Góc nghiêng từ 0 độ đến ≥ 14 độ - Chúi khớp - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Chiều dài chúi gồm các loại 120mm (Sai số $\pm 5\%$), 180mm (Sai số $\pm 5\%$). - Đường kính từ $\leq 7\text{mm}$ đến $\geq 12\text{mm}$ - Góc cổ chân 135 độ (Sai số $\pm 5\%$). - Có tối thiểu 6 lỗ luồn chỉ. - Ó chảo khớp vai - Chất liệu UHMWPE, có 3 loại kích thước - Xi măng độ nhớt cao, thời gian trộn ≤ 30 giây, thời gian đợi ≤ 2 phút thời gian làm việc khoảng 6 phút, thời gian đông cứng ≤ 4 phút ở nhiệt độ phòng 21 độ C Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần cân quang và kết dính, có kháng sinh. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.	G7	
28	G3.808	Khớp háng toàn phần không xi, ổ cối không bất vật, chòm alumina ceramic	Bộ	20	6	24 tháng	- Ó cối không bất vật - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Mặt ngoài: quanh viền có ≥ 6 đỉnh, trên đỉnh có ≥ 4 đỉnh - Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám $< 0,05\mu\text{m}$ - Có vịnh chống trượt 5mm với ≥ 2 điểm đánh dấu - Có chên (đĩa) đóng lắp sẵn dưới áp lực chân không - Kích cỡ: 48mm-60mm (bước tăng 2mm) - Chúi xương đùi: Loại tự khớp - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chúi 135 độ; Cón 12/14 - 5 độ 40' - Cổ chúi hình elíp và được đánh bóng gương - Có ≥ 9 kích cỡ (bước tăng 1mm), chiều dài từ 87mm-170mm - Chòm xương đùi kèm lớp đệm: - Vật liệu: alumina ceramic - Đường kính 28mm - Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene - Kích cỡ: 48mm-60mm (bước tăng 2mm)	G7	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
29	G3.809	Khớp háng toàn phần không xi măng lớp đệm chuyển động đối	Bộ	20	6	24 tháng	1. Ổ cối không bắt vít - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Mặt ngoài: quanh viền có ≥ 6 đỉnh, trên đỉnh có 24 đỉnh - Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám $< 0,05\mu\text{m}$ - Có vành chống trượt 5mm với ≥ 22 điểm đánh dấu - Kích cỡ: 44mm-60mm (bước tăng 2mm) 2. Chuôi xương đùi: loại tự khóa - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chuôi 135 độ. Cổ 12/14 - 5 độ 40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥ 9 kích cỡ (bước tăng 1mm), chiều dài từ 87mm-170mm 3. Chạm xương đùi: - Vật liệu: thép không gỉ - Đường kính 22,2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3, 5, 0, +3, 5) 4. Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene - Lớp đệm chuyển động đối - Kích cỡ: 44mm-60mm (bước tăng 2mm)	G7	
30	G3.810	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi định cong, góc cổ thân chuôi 126 độ, Ceramic on PE.	Bộ	40	12	24 tháng	Yêu cầu chảo đơn giản cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Cường xương đùi: hợp kim Ti6Al4V, dạng cong, bên ngoài phủ lớp HX hoặc tương đương, rãnh chống lún, xoay. Có nghiêng trước khoảng 5 độ. Hệ thống chuỗi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi, có tối thiểu 16 size. Góc cổ thân chuôi CCD trong khoảng từ 125 đến 130 độ. 2. Đầu xương đùi: Ceramic. Kích cỡ từ 28mm-40mm có tối thiểu cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. 3. Lớp đệm: nhựa siêu bền (crosslink UHMWPE), có bề chống trượt $\geq 5\text{mm}$. Đường kính trong 3 kích cỡ từ 28mm-36mm. 4. Ổ cối: hợp kim titanium (Ti6Al4V), loại press fit, hỗ trợ ≥ 3 lỗ bắt vít, tối thiểu 15 size từ 42mm đến 72mm. Vít ổ cối chất liệu Ti6Al4V, đường kính 6,5mm, có 12 độ dài từ 15mm đến 80mm.	G7	
31	G3.811	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	Bộ	20	6	24 tháng	1. Lõi cầu xương đùi: Chất liệu CoCrMo, có 10 cỡ phân biệt trái-phải. Đường kính trong-ngoài từ 53mm đến 80mm. Trước-sau từ 49mm đến 72mm. 2. Lớp lót mâm chày: chất liệu UHMWPE. Có 5 loại kích thước. Chiều dày 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm. Phía dưới lớp lót có chức năng khóa mặt trước và sau giúp ngăn chặn việc tháo rời ngoài ý muốn. 3. Mâm chày: chất liệu hợp kim CoCrMo, có 10 loại kích thước. Đường kính trong-ngoài từ 54mm đến 82mm. Đường kính trước-sau từ 36mm đến 53mm. Phía mặt trên mâm chày có chức năng khóa để tương thích với lớp lót. 4. Bánh chệch: chất liệu UHMWPE. Độ dày từ 7mm đến 9mm, có tối thiểu 3 cỡ. Đường kính từ 27mm đến 35mm, có tối thiểu 3 cỡ. 5. Xi măng xương: cần quang, thời gian đông cứng hoàn toàn ≤ 10 phút, thời gian trộn ≤ 1 phút, thời gian làm việc trong khoảng ≤ 7 phút ở nhiệt độ phòng 23 độ. Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần để cân quang và kết dính. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.	G7	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
32	G13BS26.1	Giường điện đa chức năng	Chiếc	10	3	24 tháng	I. Cấu hình bao gồm - Khung giường và 4 bánh xe có khóa: 01 bộ - Tấm đầu giường: 02 chiếc - Tay vịn hai bên: 02 chiếc - Bộ điều khiển cầm tay: 01 bộ - Cọc truyền: 01 cái - Đèn: 01 cái - Tải liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ II. Thông số và đặc tính kỹ thuật chi tiết - Là loại giường đa chức năng vận hành bằng điện áp thấp - Giường được vận hành bằng bộ điều khiển cầm tay, cho phép: + Điều chỉnh độ cao toàn giường, nâng hạ khớp gối và phần lưng + Nâng hạ đồng thời phần lưng và khớp gối với một nút bấm - Bộ điều khiển cầm tay có đèn nền - Khung giường: + Vật liệu: làm bằng thép phủ sơn tĩnh điện + Khung thép dọc hai bên giường có kích thước: 25 x 50 x 2 mm + Khung tiếp ở phần đầu và chân giường có kích thước: 40 x 60 x 2 mm - Bề mặt giường: + Vật liệu: nhựa PP, với chiều dày 10 mm + Bề mặt giường được chia làm 4 phần: phần lưng, phần hông, phần đùi và phần chân + Các tấm sàn giường có các lỗ thông khí, với các vị trí để cố định đai giữ bệnh nhân. + Các tấm sàn giường có thể được tháo rời bằng 1 thao tác để dễ dàng vệ sinh - Tấm đầu/ chân giường: + Vật liệu: nhựa PP + Cho phép tháo lắp dễ dàng + Chiều cao tấm đầu giường: 460 mm - Tay vịn: + Tay vịn gồm 6 thanh chân dọc, có chiều dài bằng 3/4 chiều dài giường + Có thể kéo xuống khi cần thiết và có chốt khóa dạng lẫy nằm ở giữa tay vịn + Có móc treo túi dẫn lưu hai bên giường: mỗi bên có 3 móc - Cọc truyền: + Vật liệu: bằng thép không gỉ, có thể điều chỉnh độ cao của của cọc truyền + Có 04 vị trí gắn cọc truyền tại các góc giường - Đệm mút được bọc giả da, không thấm nước - Kích thước giường: Dài 2100 x Rộng 980 (mm) - Kích thước đệm: Dài 1920 x Rộng 860 x Dày 100 (mm) - Điều chỉnh độ cao giường trong khoảng: 440 – 750 mm - Điều chỉnh phần lưng: 0 – 80° - Điều chỉnh khớp gối: 0 – 40° - Kích thước bánh xe: 125 mm, có khóa hãm - Tải trọng tối đa: 250 kg	Không yêu cầu	
33	G13BS26.2	Nội sơ sinh	Chiếc	6	1	24 tháng	Vật liệu: Khung thép sơn phủ bột epoxy, lớp sơn dày 0.12mm, độ sáng 60°, sơn có thể chịu được lực va đập 50kg Nội được làm bằng vật liệu nhựa acrylic trong suốt, Có thể tiết trung ở nhiệt độ trên 100°C Bánh xe: kích thước 3 inch, vật liệu cao su nhiệt dẻo TPR Có giá đựng đồ bên dưới nội Cọc truyền vật liệu thép không gỉ, tải trọng lên đến 15kg Kích thước nội: 810 x 320 x 990 mm Điều chỉnh dốc xuôi: 18°	Không yêu cầu	
34	G5.235	Bông ép cầm máu cỡ từ 2.0 x 2.0 cm đến 3.5x3.5 cm	Cái	300	90	24 tháng	Vật liệu cầm máu có thành phần Chitosan 100% Công dụng: cầm máu nhanh sau can thiệp Kích cỡ: từ 2.0 x 2.0 cm đến 3.5x3.5 cm Có tối thiểu các cỡ 2.0x2.0cm và 3.5x3.5 cm, Triệu chuẩn chất lượng: Đạt chứng nhận FDA (Mỹ)	Không yêu cầu	
35	G5.236	Bông ép cầm máu cỡ từ 5.0x5.0cm đến 5.0x8.0cm	Cái	500	150	24 tháng	Vật liệu cầm máu có thành phần Chitosan 100% Công dụng: cầm máu nhanh sau can thiệp Kích cỡ: từ 5.0x5.0cm đến 5.0x8.0cm Có tối thiểu các cỡ 5.0x5.0cm và 5.0x8.0cm Triệu chuẩn chất lượng: Đạt chứng nhận FDA (Mỹ)	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
36	G5.237	Bóng nong ống thông phá màng với hóa nội mạch vành bằng sóng xung kích (IVL)	Cái	20	6	24 tháng	Bóng nong ống thông phá màng với hóa nội mạch vành bằng sóng xung kích. - Hệ thống bóng là rapid-exchange - Chiều dài bóng ≥ 142 cm. - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 2.0 mm, tối đa ≥ 4.0 mm - Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 12 mm, tối đa ≥ 15 mm. - Tương thích với ống thông dẫn đường ≤ 5 Fr, tương thích dây dẫn 0.014" - Áp suất điều trị: 6 atm, Áp suất danh định: 8 atm, Áp suất vỡ danh định (RBP) ≥ 20 atm	Không yêu cầu	
37	G5.234	Dây dẫn đường can thiệp ngoại biên ngoài mô Ezisurg, model: ES01	Cái	20	6	24 tháng	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.035", 0.038" * Cấu trúc trục thép không gỉ, lớp phủ PTFE * Đầu xa có thể tạo hình 3cm * Chiều dài dây dẫn 75, 145, 180, 260 cm. * Loại đầu lợp J-tip hoặc Straight - Dây dẫn dùng cho tay dao mổ mô và mô nội soi - Tần số: 55kHz - Chiều dài dây: 2.85m TCCL: ISO 13485	Không yêu cầu	
38	G1.772	Dây dao mổ siêu âm cho dao mổ Ezisurg, model: ES01	Cái	22	6	24 tháng	Tương thích với Dao mổ siêu âm hiệu Ezisurg, model: ES01 - Dung để kết hợp với Dây dao siêu âm và hệ thống dao mổ siêu âm để phẫu thuật nội soi và phẫu thuật mô mềm - Đường kính: 5mm - Chiều dài: 14, 23, 36, 46mm TCCL: ISO 13485	Không yêu cầu	
39	G1.773	Tay dao siêu âm cho dao mổ Ezisurg, model: ES01	Cái	113	33	24 tháng	Tương thích với Dao mổ siêu âm hiệu Ezisurg, model: ES01 Dùng để xác định định tính các kháng thể kháng Taenia saginata trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tương thích với máy ETI-MAX 3000 đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
40	G6.1677	Bộ kit xét nghiệm Sắn dây bọ	Test	7.680	2.300	24 tháng		Không yêu cầu	
41	G6.1678	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	ml	9.600	2.880	24 tháng	*Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl -), Canxi (Ca ++), và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Cl- bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+, 4.0 mmol/L K+, 125.0 mmol/L Cl-, 1.25 mmol/L Ca++, 1.00 mmol/L Li+; Buffer, Chất bảo quản, Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+, 16.0 mmol/L K+, 41.0 mmol/L Cl-, 2.50 mmol/L Ca++, 0.40 mmol/L Li+; Buffer, Chất bảo quản, Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Không yêu cầu	
42	G6.1679	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K/Ca/pH và Na/K/Cl/Ca/Li	cái	4	1	24 tháng		Không yêu cầu	
43	G6.1680	Thuốc thử xét nghiệm định lượng vancomycin	ml	192	-	24 tháng	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng vancomycin; Thành phần: Thuốc thử 1 - Enzym: Vancomycin đánh dấu bởi G6PDH vi khuẩn (0.21 U/mL); chất đệm HEPES; albumin huyết thanh bò; Thuốc thử 2 - Kháng thể cơ chất: Kháng thể chuột đơn dòng với vancomycin (27 µg/mL); albumin huyết thanh bò; G6P (44 mM); NAD (36 mM); Phương pháp: Miễn dịch enzyme đồng nhất; Dải đo: 2.0-50 µg/mL (1.3-34 µmol/L); Loại mẫu: Huyết thanh; Huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 2.8\%$; Độ chệch toàn phần: CV $\leq 3.8\%$	Không yêu cầu	
44	G6.1681	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng vancomycin	ml	60	15	24 tháng	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Vancomycin; Thành phần: vancomycin, dung dịch đệm, natri azi 0.09%, pH 5.0; Chất hiệu chuẩn ở mức nồng độ Vancomycin: 0, 5, 10, 20, 30, 50 µg/mL.	Không yêu cầu	
45	G6.1682	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa	ml	20	5	24 tháng	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và di ứng. Vật liệu kiểm soát ổn định dung lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể	Không yêu cầu	
46	G6.1683	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa	ml	20	5	24 tháng	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và di ứng. Vật liệu kiểm soát ổn định dung lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể	Không yêu cầu	
47	G6.1684	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa	ml	20	5	24 tháng	Vật liệu kiểm soát 56 thông số miễn dịch bao gồm các thông số khả năng sinh sản, tuyến giáp, thiếu máu, nội tiết và di ứng. Vật liệu kiểm soát ổn định dung lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
48	G6.1685	Hòa chất định lượng Vancomycin trong huyết thanh và huyết tương dùng cho máy Cobas	Test	800	200	24 tháng	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng vancomycin trong huyết thanh và huyết tương theo phương pháp KIMS. Trộn mẫu bằng sóng siêu âm giúp không nhiễm chéo - Thời gian xét nghiệm (phút): 10 - Khoảng đo: 4.0-80.0 µg/mL (2.76-55.2 µmol/L)	Không yêu cầu	
49	G6.1686	Chất kiểm tra cho xét nghiệm định lượng Vancomycin	ml	200	40	24 tháng	Thành phần phân ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học (thuốc điều trị)	Không yêu cầu	
50	G6.1687	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Vancomycin	ml	150	30	24 tháng	Thành phần phân ứng: Huyết thanh người với thuốc điều trị được thêm vào Thành phần không phân ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.	Không yêu cầu	
51	G1.771	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone có kháng khuẩn Irgacare MP số 0, dài 30cm, 1 kim tròn đầu tròn CT-1 dài 36mm, 1/2C	Sợi	240	72	24 tháng	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone có kháng khuẩn Irgacare MP, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Có chỉ số 0 dài 30cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn CT-1 dài 36mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. - Đạt tiêu chuẩn CE và CFG-FDA	G7	
52	G6.1688	Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng giun đũa chó	Test	9.600	2.880	24 tháng	Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể loại IgM kháng Toxocara canis trong huyết thanh hoặc huyết tương người	Không yêu cầu	
53	G13BS26.3	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, loại tiêu chuẩn, hàm rộng 3mm, dài 20cm	Cái	6	1	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, loại tiêu chuẩn, hàm rộng 3mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
54	G13BS26.4	Panh cong cầm máu, hàm có răng cưa, dài 16cm	Cái	8	2	24 tháng	Panh cong cầm máu, hàm có răng cưa, dài 160mm ± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
55	G13BS26.5	Kim cắt xương, gấp góc, hai hàm hoạt động, dài 250mm	Cái	1	-	24 tháng	Kim cắt xương, gấp góc, hai hàm hoạt động, dài 250mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
56	G13BS26.6	Kẹp phẫu tích không máu, thẳng, cỡ trung bình, hàm có răng cưa rộng 2.6mm, dài 16cm	Cái	55	16	24 tháng	Kẹp phẫu tích không máu, thẳng, cỡ trung bình, hàm có răng cưa rộng 2.6mm, dài 160mm± 5%, có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
57	G13BS26.7	Panh cong có máu, răng 1x2, mảnh, dài 12.5cm	Cái	7	2	24 tháng	Panh cong có máu, răng 1x2, mảnh, dài 125mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
58	G13BS26.8	Búa 415g	Cái	3	-	24 tháng	Búa, tay cán silicon, đầu búa nặng 415g, búa nặng 740g, đầu búa đường kính 30mm và 42mm, dài 245mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
59	G13BS26.9	Đục thẳng, có tay cầm, vít hai bên, đầu sắc rộng 6mm, dài 15.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Đục thẳng, có tay cầm, vít hai bên, đầu sắc rộng 6mm, dài 135mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
60	G13BS26.10	Lóc xương ngắn cong dài 16cm	Cái	4	1	24 tháng	Róc xương ngắn, cong, đầu sắc rộng 11mm, loại 1 đầu, dài 160mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
61	G13BS26.11	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, dài 13.5cm	Cái	70	21	24 tháng	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, dài 135mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
62	G13BS26.12	Kéo cong phẫu tích, hàm phù hợp các bon, lưỡi tuốt, mảnh, cán vàng, dài 20cm	Cái	41	12	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, hàm phù hợp các bon, lưỡi tuốt, mảnh, cán vàng, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
63	G13BS26.13	Kéo cong, hàm có phù các bon, cán vàng, hàm khỏe, lưỡi vít, hàm có lưỡi cắt sóng chống trượt mô, lưỡi tuốt, dài 20cm	Cái	31	9	24 tháng	Kéo cong, hàm có phù các bon, cán vàng, lưỡi vít, hàm có lưỡi cắt sóng chống trượt mô, lưỡi tuốt, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
64	G13BS26.14	Kẹp phẫu tích có máu, răng 2x3, thẳng, hàm rộng 3mm, dài 18cm	Cái	55	16	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 2x3, thẳng, hàm rộng 3mm, dài 180mm ± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
65	G13BS26.15	Kim kẹp kim, hàm phù hợp các bon, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tới cỡ 3/0, dài 20.5cm	Cái	86	25	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm phù hợp các bon, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tới cỡ 3/0, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
66	G13BS26.16	Cán dao số 4, dài 13.5cm	Cái	16	4	24 tháng	Cán dao số 4, dài 135mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số tương tự chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
67	G13BS26.17	Panh sắt trung, hãm có răng cưa, thẳng, có khóa, khớp hộp, dài 24cm	Cái	15	4	24 tháng	Panh sắt trung, hãm có răng cưa, thẳng, có khóa, khớp hộp, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
68	G13BS26.18	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mạnh, hãm rộng 1.9mm, dài 20cm	Cái	10	3	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mạnh, hãm rộng 1.9mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
69	G13BS26.19	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, cỡ tiêu chuẩn, hãm rộng 3mm, dài 18cm	Cái	7	2	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, cỡ tiêu chuẩn, hãm rộng 3mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
70	G13BS26.20	Panh cong kẹp từ cung, hãm có răng cưa, dài 19.5cm	Cái	44	13	24 tháng	Panh cong kẹp từ cung, hãm có răng cưa, dài 195mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
71	G13BS26.21	Kéo cắt chỉ, đầu cong, hãm phủ các bon, lưỡi cắt dạng sóng để ngăn ngừa chỉ trượt, chuyển dụng cho cắt chỉ và được đánh dấu bằng 1 tay cầm mạ vàng, dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo cắt chỉ, đầu cong, hãm phủ các bon, lưỡi 1/10, lưỡi cắt dạng sóng để ngăn ngừa chỉ trượt, chuyển dụng cho cắt chỉ và được đánh dấu bằng 1 tay cầm mạ vàng, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
72	G13BS26.22	Hộp đựng dụng cụ tiêu chuẩn cỡ 1:1	Cái	23	6	24 tháng	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành. Hộp lắp dụng cụ chữ nhật, cấu tạo gồm 4 phần: + Đáy hộp dụng cụ bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 1/1, không có lỗ thông ở đáy, kích thước (LxWxH): 592 x 274 x 120 mm + Nắp hộp, cỡ 1/1, chất liệu nhôm, kích thước (LxWxH): 593 x 294 x 37 mm + Khay giữ bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 1/1, kích thước (LxWxH): 540 x 253 x 76mm + Đệm giữ silicone, kích thước (LxWxH): 470 x 230 x 32	G7 hoặc Châu Âu	
73	G13BS26.23	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, loại tiêu chuẩn, hãm rộng 2.7mm, dài 16cm	Cái	19	5	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, loại tiêu chuẩn, hãm rộng 2.7mm, dài 160mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
74	G13BS26.24	Kéo cong phẫu tích, hãm phủ lớp các bon, răng khỏe, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, lưỡi dài răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, cán vàng, dài 17cm	Cái	17	5	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, hãm phủ lớp các bon, răng khỏe, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, cán vàng, dài 170mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
75	G13BS26.25	Panh cong cầm máu lớn, hãm có răng cưa, dài 20cm	Cái	33	9	24 tháng	Panh cong cầm máu lớn, hãm có răng cưa, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
76	G13BS26.26	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, có bóng ở hãm, dài 13.5cm	Cái	17	5	24 tháng	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, có bóng ở hãm, dài 135mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
77	G13BS26.27	Kim kẹp kim, hãm phủ lớp các bon, cán vàng, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tới cỡ 3/0, dài 18.5cm	Cái	26	7	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm phủ lớp các bon, cán vàng, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tới cỡ 3/0, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
78	G13BS26.28	Panh cong, mảnh, dài, hãm có răng cưa, dài 16cm	Cái	164	49	24 tháng	Panh cong, mảnh, hãm có răng cưa, dài 160mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
79	G13BS26.29	Cán dao số 3, dài 12.5cm, có chia độ	Cái	13	3	24 tháng	Cán dao số 3, dài 125mm, có chia độ, có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
80	G13BS26.30	Kẹp khâu, thẳng, có răng cưa, hãm rộng 1.6mm, dài 10cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp khâu, thẳng, có răng cưa, hãm rộng 1.6mm, dài 100mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ Amidal của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
81	G13BS26.31	Ổng hút tiêm tế bào, dài 23cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim gây tê thành quản, thẳng, chiều dài hãm việc 23cm sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ thành quản của hãng Karl Storz (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
82	G13BS26.32	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, dài 13.5cm, có khóa vít	Cái	6	1	24 tháng	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, dài 135mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, có khóa, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
83	G13BS26.33	Kéo thẳng, loại tiêu chuẩn, lưỡi vát, mũi tù/tu, dài 17.5cm	Cái	14	4	24 tháng	Kéo thẳng, loại tiêu chuẩn, lưỡi vát, mũi tù/tu, dài 175mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đỡ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ phận của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lành thô sản xuất	Ghi chú
84	G13BS26.34	Giá inox kích thước 6x21x8cm	Cái	22	6	24 tháng	Giá để đồ, gồm: + Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, có chân, kích thước (LxWxD): 406 x 253 x 94mm + Nắp khay lưới, kích thước (LxWxD): 410 x 257 x 18mm Kéo phẫu tích tĩnh, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi từ/ủ, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương dài mới của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
85	G13BS26.35	Kéo phẫu tích tĩnh, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi từ/ủ, dài 18cm	Cái	11	3	24 tháng	Kéo phẫu tích tĩnh, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi từ/ủ, dài 170mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương dài mới của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
86	G13BS26.36	Panh thẳng có máu, răng 1x2, mảnh, dài 16cm	Cái	22	6	24 tháng	Panh thẳng có máu, răng 1x2, mảnh, dài 160mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
87	G13BS26.37	Kéo thẳng phẫu tích, hãm khò, hãm phủ hợp các bon, cán vàng, lưỡi từ/ủ, dài 17cm	Cái	18	5	24 tháng	Kéo thẳng phẫu tích, hãm khò, hãm phủ hợp các bon, cán vàng, lưỡi từ/ủ, dài 170mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
88	G13BS26.38	Panh cong, hãm có răng cưa, dài 28cm	Cái	1	-	24 tháng	Panh cong, hãm có răng cưa, dài 280mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ cấy tử cung đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
89	G13BS26.39	Kéo mỏ quạ, thẳng, lưỡi từ/ủ, dài 155mm	Cái	17	5	24 tháng	Kéo mỏ quạ, thẳng, lưỡi từ/ủ, dài 155mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
90	G13BS26.40	Ổng hút tĩnh cơ 10Fr chiều dài 15cm	Cái	2	-	24 tháng	Ổng hút tĩnh, cơ 10Fr, chiều dài làm việc 15cm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xoắn đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
91	G13BS26.41	Ổng hút cong, đầu dài, cơ 3mm dài 15cm	Cái	2	-	24 tháng	Ổng hút, đầu cong dài, cơ 3mm, dài 15cm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xoắn đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
92	G13BS26.42	Kẹp khuỷu gấp góc	Cái	4	1	24 tháng	Kẹp khuỷu, gấp góc, chiều dài làm việc 100mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xoắn đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
93	G13BS26.43	Ổng soi hướng nhìn 30 độ, trường nhìn rộng, đường kính 4mm, chiều dài làm việc 18 cm	Cái	2	-	24 tháng	Optic (ống soi), hướng nhìn 30 độ, trường nhìn rộng, đường kính 4mm, chiều dài làm việc 18 cm, có thể hấp tệt trung được, đầu bọc saphia chống xước, sử dụng tương thích với trocar khớp thuộc bộ dụng cụ nội soi khớp gối của hãng Karlstorz đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
94	G13BS26.44	Trocar khớp đường kính 5,5mm, dài 13,5cm	Cái	2	-	24 tháng	Trocar khớp, có hai đường dịch vào ra, đường kính 5,5mm, dài 13,5cm, có thể xoay được, có cơ cấu lắp ống soi nhanh kiểu snap-in, sử dụng tương thích với ống soi Hopkins Ø 30 độ, 30 độ, 70 độ thuộc bộ dụng cụ nội soi khớp gối của hãng Karlstorz đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
95	G13BS26.45	Nòng trocar bán sắc	Cái	2	-	24 tháng	Nòng trocar loại bán sắc, sử dụng tương thích với Trocar khớp thuộc bộ dụng cụ nội soi khớp gối của hãng Karlstorz đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
96	G13BS26.46	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, loại tiêu chuẩn, hãm thẳng cơ 2,5mm, dài 14,5cm	Cái	7	2	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, loại tiêu chuẩn, hãm thẳng cơ 2,5mm, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ TMH của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
97	G13BS26.47	Cán dao số 3, dài 12,5cm	Cái	5	1	24 tháng	Cán dao số 3, dài 125mm, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ sử dụng tương thích với bộ mở khí quản đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
98	G13BS26.48	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 14cm	Cái	27	8	24 tháng	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 140mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ mở khí quản của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
99	G13BS26.49	Ổng hút, cong, đường kính 2mm, dài 285mm	Cái	7	2	24 tháng	Ổng hút, cong, đường kính 2mm, dài 285mm± 5%, dùng cho ống hút 7 - 9 mm, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ mở khí quản của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
100	G13BS26.50	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 18,5cm	Cái	27	8	24 tháng	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ mở của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
101	G13BS26.51	Panh cong cầm máu, hãm có răng cưa, dài 22,5cm	Cái	3	-	24 tháng	Panh cong cầm máu, hãm có răng cưa, dài 225mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
102	G13BS26.52	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 15cm	Cái	36	10	24 tháng	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ mở của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
103	G13BS26.53	Kẹp phẫu tích không máu, thẳng, cơ trung bình, hãm có răng cưa rộng 2,6mm, dài 20cm	Cái	4	1	24 tháng	Kẹp phẫu tích không máu, thẳng, cơ trung bình, hãm có răng cưa rộng 2,6mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ mở của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
104	G13BS26.54	Kéo phẫu tích cong, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi tù/tu, dài 20cm	Cái	2	-	24 tháng	Kéo phẫu tích cong, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi tù/tu, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
105	G13BS26.55	Kéo cong phẫu tích, lưỡi tù/tu, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, dài 26cm	Cái	4	1	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, lưỡi tù/tu, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, dài 260mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
106	G13BS26.56	Kẹp phẫu tích không mẫu, loại không tổn thương, thẳng dài 24cm	Cái	2	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, loại không tổn thương, hàm răng De bakery, thẳng, hàm rộng 1.5mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
107	G13BS26.57	Panh cong, đầu hơi cong, hàm có răng cưa, dài 18.5cm	Cái	11	3	24 tháng	Panh cong, đầu hơi cong, hàm có răng cưa, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
108	G13BS26.58	Panh mềm kẹp ruột, cong, mềm và đàn hồi, hàm có răng cưa (theo chiều dọc), hàm dài 80mm, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	1	-	24 tháng	Panh mềm kẹp ruột, cong, mềm và đàn hồi, hàm có răng cưa (theo chiều dọc), hàm dài 80mm, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
109	G13BS26.59	Panh to đầu cong nhiều, gấp góc, hàm có răng cưa, dài 24.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Panh to đầu cong nhiều, gấp góc, hàm có răng cưa, dài 245mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
110	G13BS26.60	Kim kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, bước răng 0.5mm dùng cho chỉ tới cỡ 3/0, dài 26.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, bước răng 0.5mm dùng cho chỉ tới cỡ 3/0, dài 265mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
111	G13BS26.61	Kim kẹp kim, hàm phủ hợp kim các bon, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.4mm dùng cho chỉ tới cỡ 4/0-6/0, dài 23cm	Cái	4	1	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm phủ hợp kim các bon, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.4mm dùng cho chỉ tới cỡ 4/0-6/0, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
112	G13BS26.62	Kim kẹp kim, hàm phủ hợp kim các bon, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.4mm dùng cho chỉ tới cỡ 4/0-6/0, dài 23cm	Cái	11	3	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm bước răng 0.4mm dùng cho chỉ cỡ 4/0-6/0, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
113	G13BS26.63	Kim kẹp kim, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi nhọn/nhọn, dài 11cm	Cái	3	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm bước răng 0.4mm dùng cho chỉ cỡ 4/0-6/0, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
114	G13BS26.64	Kéo cong, mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi nhọn/nhọn, dài 11cm	Cái	3	-	24 tháng	Kéo cong, mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi nhọn/nhọn, dài 110mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
115	G13BS26.65	Kéo thẳng, mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi nhọn/nhọn, dài 11cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo thẳng, mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi nhọn/nhọn, dài 110mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
116	G13BS26.66	Kéo phẫu tích cong, mảnh, đầu nhọn/nhọn, lưỡi cắt có răng cưa dùng sáng ngửa trượt ngược, cán đen, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích cong, mảnh, đầu nhọn/nhọn, lưỡi cắt có răng cưa dùng sáng ngửa trượt ngược, cán đen, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
117	G13BS26.67	Kéo phẫu thuật, thẳng, đầu sắc/tu, dài 13cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu thuật, thẳng, đầu sắc/tu, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
118	G13BS26.68	Kéo cong phẫu tích, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi tù/tu, dài 18cm	Cái	7	2	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi tù/tu, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
119	G13BS26.69	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, mảnh, hàm có răng cưa, hàm rộng 0.9mm, dài 12cm	Cái	3	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, mảnh, hàm có răng cưa, hàm rộng 0.9mm, dài 120mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
120	G13BS26.70	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, mảnh, hàm có răng cưa, hàm rộng 1.5mm, dài 12cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, mảnh, hàm có răng cưa, hàm rộng 1.5mm, dài 120mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ gan mặt của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
121	G13BS26.71	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mảnh, hàm rộng 1mm, dài 12cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mảnh, hàm rộng 1mm, dài 120mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ ngực bụng thẩm mỹ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
122	G13BS26.72	Kẹp phẫu tích không máu, loại không tổn thương, thẳng dài 15cm	Cái	2	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không tổn thương, hàm thẳng, răng De bakery, hàm rộng 2mm, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, đồng bộ với Bộ ngực bụng thẩm mỹ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
123	G13BS26.73	Panh cong, mảnh, hàm có răng cưa, dài 18cm	Cái	5	1	24 tháng	Panh cong, mảnh, hàm có răng cưa, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ ngực bụng thẩm mỹ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
124	G13BS26.74	Kim kẹp kim, thẳng, rất mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi có bước răng cưa 0.4mm dùng cho chỉ từ 4/0 - 6/0, dài 16.5cm	Cái	3	-	24 tháng	Kim kẹp kim, thẳng, rất mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi có bước răng cưa 0.4mm dùng cho chỉ từ 4/0 - 6/0, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
125	G13BS26.75	Kim kẹp kim, thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm có bước răng cưa 0.4mm dùng cho chỉ từ 4/0 - 6/0, dài 16.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm có bước răng cưa 0.4mm dùng cho chỉ từ 4/0 - 6/0, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ ngực bụng thẩm mỹ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
126	G13BS26.76	Kim kẹp kim, thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm có bước răng cưa 0.4mm dùng cho chỉ từ 4/0 - 6/0, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm có bước răng cưa 0.4mm dùng cho chỉ từ 4/0 - 6/0, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
127	G13BS26.77	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, dài 9cm	Cái	3	-	24 tháng	A sáng, cong, răng nhọn 1x1, dài 90mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ dĩa dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
128	G13BS26.78	Kéo cong phẫu tích, bàn khỏe, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi vát, lưỡi tù/ù, dài 17cm	Cái	7	2	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, bàn khỏe, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi vát, lưỡi tù/ù, dài 170mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
129	G13BS26.79	Kéo phẫu thuật, cong, mũi nhọn/ù, loại tiêu chuẩn, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu thuật, cong, mũi nhọn/ù, loại tiêu chuẩn, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
130	G13BS26.80	Kéo cắt chỉ thép, nghiêng sang một bên, một lưỡi có răng cưa, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi tù/ù, dài 12cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo cắt chỉ thép, nghiêng sang một bên, một lưỡi có răng cưa, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi tù/ù, dài 120mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13. Sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
131	G13BS26.81	Kéo phẫu tích cong, mảnh, đầu tù phẳng đặc biệt, dài 12.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích cong, mảnh, đầu tù phẳng đặc biệt, dài 125mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
132	G13BS26.82	Gu (Kim gắn xương), đầu cong, hàm dài 11mm và rộng 4.3mm, dài 175mm	Cái	1	-	24 tháng	Gu (Kim gắn xương), đầu cong, hàm dài 11mm và rộng 4.3mm, dài 175mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
133	G13BS26.83	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mảnh, hàm rộng 1.5mm, dài 12cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mảnh, hàm rộng 1.5mm, dài 120mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
134	G13BS26.84	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, cỡ trung bình, hàm rộng 1.5mm, dài 14.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, cỡ trung bình, hàm rộng 1.5mm, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
135	G13BS26.85	Panh răng chuột, thẳng, răng 4x5, dài 15.5cm	Cái	23	6	24 tháng	Panh răng chuột, thẳng, răng 4x5, dài 155mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
136	G13BS26.86	Kim kẹp kim, thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm có bước răng 0.2mm dùng cho chỉ từ 6/0-10/0, dài 13cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán văng, hàm có bước răng 0.2mm dùng cho chỉ từ 6/0-10/0, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
137	G13BS26.87	Kim kẹp kim, hàm răng mịn vòm, hàm có răng cưa, hàm có răng dọc, dùng với chỉ cỡ tối cỡ 3/0, dài 15cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm răng mịn vòm, hàm có răng cưa, hàm có răng dọc, dùng với chỉ cỡ 3/0, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ răng hàm một của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
138	G13BS26.88	Bổ cáo hai răng, một đầu, hàm nhỏ, hàm rộng 4.5mm và sâu 2.2mm, dài 130mm	Cái	1	-	24 tháng	Bổ cáo hai răng, một đầu, hàm nhỏ, hàm rộng 4.5mm và sâu 2.2mm, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
139	G13BS26.89	Panh thẳng, mảnh, hàm có răng cửa, dài 16cm	Cái	12	3	24 tháng	Panh thẳng, mảnh, hàm có răng cửa, dài 160mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
140	G13BS26.90	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, cỡ trung bình, hàm có răng cửa rộng 2.3mm, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, cỡ trung bình, hàm có răng cửa rộng 2.3mm, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
141	G13BS26.91	Thìa nạo hai đầu, cỡ XL, gấp góc, đầu nhọn, cỡ 2.2mm và 2.8mm, dài 150mm	Cái	1	-	24 tháng	Thìa nạo hai đầu, cỡ XL, gấp góc, đầu nhọn, cỡ 2.2mm và 2.8mm, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
142	G13BS26.92	Kim kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, hàm răng cửa bước 0.4mm dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài 13cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, hàm răng cửa bước 0.4mm dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
143	G13BS26.93	Đục thẳng, vát 1 bên, không có tay cầm, đầu sắc rộng 4mm, chia độ 10mm, dài 180mm	Cái	2	-	24 tháng	Đục thẳng, vát 1 bên, không có tay cầm, đầu sắc rộng 4mm, chia độ 10mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
144	G13BS26.94	Kéo phẫu tích thẳng, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, hàm có lưỡi cắt dạng sóng ngắn giữa trọt mổ, cán đen, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích thẳng, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, hàm có lưỡi cắt dạng sóng ngắn giữa trọt mổ, cán đen, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X30CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
145	G13BS26.95	Kéo phẫu tích cong, bán khỏe, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, dài 15.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích cong, bán khỏe, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, dài 155mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X30CrMoV15, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
146	G13BS26.96	Cốc tròn, cao 32mm, đường kính 74mm, dung tích: 63ml	Cái	2	-	24 tháng	Cốc tròn, cao 32mm, đường kính 74mm, dung tích: 63ml± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
147	G13BS26.97	Loa tai, tròn, đường kính 7mm, dài 38mm	Cái	1	-	24 tháng	Loa tai, tròn, đường kính 7mm, dài 38mm ± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
148	G13BS26.98	Thìa nạo xương 1 đầu dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Thìa nạo xương, thẳng, đầu sắc hàm rộng 2.8mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
149	G13BS26.99	Thìa nạo xương gấp góc dài 20cm	Cái	1	-	24 tháng	Thìa nạo xương, gấp góc, đầu sắc hàm rộng 5.2mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tai của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
150	G13BS26.100	Kéo phẫu tích thẳng, bán khỏe, hàm vát, lưỡi tù/tu, dài 14cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích thẳng, bán khỏe, hàm vát, lưỡi tù/tu, dài 140mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X30CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tiết niệu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
151	G13BS26.101	Kéo phẫu tích cong, bán khỏe, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, dài 14cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích cong, bán khỏe, lưỡi vát, lưỡi tù/tu, dài 140mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X30CrMoV15, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
152	G13BS26.102	Kéo cong phẫu tích, loại mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/tu, dài 23cm	Cái	16	4	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, loại mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/tu, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
153	G13BS26.103	Panh thẳng nhỏ, mảnh, hàm có răng cửa, dài 15cm	Cái	6	1	24 tháng	Panh thẳng nhỏ, mảnh, hàm có răng cửa, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tiết niệu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
154	G13BS26.104	Panh cong, đầu cong, mảnh, hàm có răng cửa, dài 18.5cm	Cái	5	1	24 tháng	Panh cong, đầu cong, mảnh, hàm có răng cửa, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
155	G13BS26.105	Panh thẳng có mẫu, răng 1x2, mảnh, dài 20cm	Cái	1	-	24 tháng	Panh thẳng có mẫu, răng 1x2, mảnh, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tiết niệu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vòng lãnh thủ sản xuất	Chú chú
156	G13BS26.106	Panh đầu cong nhiều, hãm có răng cưa, dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Panh đầu cong nhiều, hãm có răng cưa, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tiết niệu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
157	G13BS26.107	Kim kẹp kim, hãm thẳng, hãm khóa, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, hãm bước răng 0.5mm dùng cho chỉ cỡ 3/0, dài 24cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm thẳng, hãm khóa, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, hãm bước răng 0.5mm dùng cho chỉ cỡ 3/0, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ tiết niệu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
158	G13BS26.108	Kim kẹp kim, hãm thẳng, răng mịn vừa phải, hãm có răng cưa, hãm có rãnh dọc, dùng với chỉ cỡ 3/0, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	3	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm thẳng, răng mịn vừa phải, hãm có răng cưa, hãm có rãnh dọc, dùng với chỉ cỡ 3/0, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
159	G13BS26.109	Kéo phẫu tích cong, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/tu, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích cong, hãm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/tu, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
160	G13BS26.110	Kéo phẫu thuật thẳng, mũi sắc/tu, loại tiêu chuẩn, dài 13cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu thuật thẳng, mũi sắc/tu, loại tiêu chuẩn, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
161	G13BS26.111	Kép phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mảnh, hãm rộng 1.9mm, dài 18cm	Cái	8	2	24 tháng	Kép phẫu tích có máu, răng 1x2, thẳng, mảnh, hãm rộng 1.9mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
162	G13BS26.112	Kép phẫu tích có máu, mảnh, răng 2x3, thẳng, hãm rộng 1.7mm, dài 12.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kép phẫu tích có máu, mảnh, răng 2x3, thẳng, hãm rộng 1.7mm, dài 125mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
163	G13BS26.113	Panh đầu cong nhiều, hãm có răng cưa, dài 19.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Panh đầu cong nhiều, hãm có răng cưa, dài 195mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
164	G13BS26.114	Kép phẫu tích không máu, thẳng, loại tiêu chuẩn, hãm có răng cưa rộng 3.9mm, dài 18cm	Cái	4	1	24 tháng	Kép phẫu tích không máu, thẳng, loại tiêu chuẩn, hãm có răng cưa rộng 3.9mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
165	G13BS26.115	Banh farabop, hai đầu, bộ 2 chiếc, lưỡi 1 rộng 24mm, sâu 26mm và 30mm, lưỡi 2: rộng 24mm, sâu 26mm và 30mm, dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Banh farabop, hai đầu, bộ 2 chiếc, lưỡi 1 rộng 24mm, sâu 26mm và 30mm, lưỡi 2: rộng 24mm, sâu 26mm và 30mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
166	G13BS26.116	Đục cong, vát hai bên, mảnh, có tay cầm, đầu sắc rộng 15mm, dài 205mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục cong, vát hai bên, mảnh, có tay cầm, đầu sắc rộng 15mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
167	G13BS26.117	Đục cong, vát hai bên, mảnh, có tay cầm, đầu sắc rộng 12mm, dài 205mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục cong, vát hai bên, mảnh, có tay cầm, đầu sắc rộng 12mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
168	G13BS26.118	Tuốc nơ vít, lục giác 3.5	Cái	5	1	24 tháng	Tuốc nơ vít, cỡ 3.5mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
169	G13BS26.119	Panh tư hãm, răng 3x4, đầu bán sắc, độ mở panh 55mm, hãm rộng 17mm và sâu 17mm, dài 13cm	Cái	2	-	24 tháng	Panh tư hãm, răng 3x4, đầu bán sắc, độ mở panh 55mm, hãm rộng 17mm và sâu 17mm, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
170	G13BS26.120	Kéo cắt chỉ thẳng, mảnh, lưỡi nhọn/nhon, lưỡi vát, dài 13cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo cắt chỉ thẳng, mảnh, lưỡi nhọn/nhon, lưỡi vát, dài 130mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
171	G13BS26.121	Kéo phẫu thuật cong, lưỡi phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/tu, dài 16.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kéo phẫu thuật cong, lưỡi phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/tu, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với Bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
172	G13BS26.122	Kép không tổn thương đầu vuông, gấp góc 90 độ, răng de biopsy, khớp khóa vít, dài 25cm	Cái	1	-	24 tháng	Kép không tổn thương đầu vuông, gấp góc 90 độ, răng de biopsy, khớp khóa vít, dài 250mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dày của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
173	G13BS26.123	Kép phẫu tích có máu, răng 1x2, hãm thẳng, cỡ trung bình, hãm rộng 1.8mm, dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Kép phẫu tích có máu, răng 1x2, hãm thẳng, cỡ trung bình, hãm rộng 1.8mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dày của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
174	G13BS26.124	Kim kẹp kim đầu cong, hãm có răng cưa, dùng cho chỉ cỡ 3/0, dài 20cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim đầu cong, hãm có răng cưa, dùng cho chỉ cỡ 3/0, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đồ lễ (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dày của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
175	G13BS26.125	Kéo cong phẫu tích, hãm phủ hợp kim các bon, cán văng, mảnh, lưỡi từ tũ, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, dài 175mm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, hãm phủ hợp kim các bon, cán văng, mảnh, lưỡi từ tũ, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, dài 175mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
176	G13BS26.126	Panh cong nhiều, hãm có răng cưa, dài 18cm	Cái	2	-	24 tháng	Panh cong nhiều, hãm có răng cưa, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
177	G13BS26.127	eo phẫu tích thẳng, mảnh, hãm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi từ tũ, dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích thẳng, mảnh, hãm phủ hợp kim các bon, cán văng, lưỡi từ tũ, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
178	G13BS26.128	Kéo cong phẫu tích, mảnh, hãm phủ lớp hợp kim các bon, cán văng, lưỡi từ tũ, dài 18cm	Cái	2	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, mảnh, hãm phủ lớp hợp kim các bon, cán văng, lưỡi từ tũ, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
179	G13BS26.129	Kim kẹp kim, hãm phủ lớp các bon, thẳng, dài 26.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm phủ lớp các bon, thẳng, dài 265mm± 5%, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tời cỡ 3/0, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
180	G13BS26.130	Kép phẫu tích có mẫu, răng 1x2, thẳng, cỡ trung bình, hãm cỡ 1.8mm, dài 20cm	Cái	5	1	24 tháng	Kép phẫu tích có mẫu, răng 1x2, thẳng, cỡ trung bình, hãm cỡ 1.8mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
181	G13BS26.131	Kim kẹp kim, hãm phủ lớp các bon, thẳng	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm phủ lớp các bon, thẳng, bước răng cưa cỡ 0.4mm dùng cho chỉ tời cỡ 4/0-6/0, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
182	G13BS26.132	Kéo cong phẫu tích, lưỡi vát, lưỡi từ tũ, dài 230mm	Cái	3	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, lưỡi vát, lưỡi từ tũ, dài 230mm, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
183	G13BS26.133	Kéo cong phẫu tích, lưỡi từ tũ, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, cán đen, dài 16.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, lưỡi từ tũ, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, cán đen, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
184	G13BS26.134	Panh cong có mẫu, mảnh, răng 1x2, dài 18.5cm	Cái	3	-	24 tháng	Panh cong có mẫu, mảnh, răng 1x2, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
185	G13BS26.135	Panh cong cầm máu, hãm có răng cưa, dài 24cm	Cái	11	3	24 tháng	Panh cong to, cong, hãm có răng cưa, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
186	G13BS26.136	Kim kẹp kim, hãm thẳng, phủ lớp các bon, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tời cỡ 3/0, dài 15cm	Cái	1	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm thẳng, phủ lớp các bon, bước răng cưa cỡ 0.5mm dùng cho chỉ tời cỡ 3/0, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
187	G13BS26.137	Kéo cong phẫu tích, hãm phủ lớp các bon, lưỡi từ tũ, cán văng, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, dài 23cm	Cái	3	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, hãm phủ lớp các bon, lưỡi từ tũ, cán văng, lưỡi cắt răng cưa dạng sóng để hạn chế trượt mô, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
188	G13BS26.138	Kép phẫu tích có mẫu, răng 1x2, hãm thẳng, cỡ trung bình, hãm rộng 2mm, dài 25cm	Cái	2	-	24 tháng	Kép phẫu tích có mẫu, răng 1x2, hãm thẳng, cỡ trung bình, hãm rộng 2mm, dài 250mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
189	G13BS26.139	Kim kẹp kim, hãm thẳng, răng mịn vừa phải, hãm có răng cưa, hãm có rãnh dọc, dùng với chỉ tời cỡ 3/0, dài 18.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm thẳng, răng mịn vừa phải, hãm có răng cưa, hãm có rãnh dọc, dùng với chỉ tời cỡ 3/0, dài 185mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
190	G13BS26.140	Kim kẹp kim, hãm thẳng, hãm phủ lớp các bon, cán văng, bước răng 0.5mm dùng cho chỉ tời cỡ 3/0, dài 23.5cm	Cái	6	1	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm thẳng, hãm phủ lớp các bon, cán văng, bước răng 0.5mm dùng cho chỉ tời cỡ 3/0, dài 235mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
191	G13BS26.141	anh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 12.5cm	Cái	18	5	24 tháng	Panh cong nhỏ, mảnh, hãm có răng cưa, dài 125mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
192	G13BS26.142	Panh cong lớn, mảnh, hãm có răng cưa, dài 20cm	Cái	17	5	24 tháng	Panh cong lớn, mảnh, hãm có răng cưa, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ da dầy của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
193	G13BS26.143	Đục lòng máng, thẳng, có tay cầm, đầu sắc rộng 15mm, dài 205mm	Cái	3	-	24 tháng	Đục lòng máng, thẳng, có tay cầm, đầu sắc rộng 15mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
194	G13BS26.144	Kim cắt chỉ thép, gấp góc, cắt chỉ cứng lên tới 2.2mm và chỉ mềm lên tới 3mm, dài 235mm	Cái	3	-	24 tháng	Kim cắt chỉ thép, gấp góc, cắt chỉ cứng lên tới 2.2mm và chỉ mềm lên tới 3mm, dài 235mm ± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
195	G13BS26.145	Đục cong, có tay cầm, lưỡi sắc rộng 20mm, dài 300mm	Cái	2	-	24 tháng	Đục cong, có tay cầm, lưỡi sắc rộng 20mm, dài 300mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
196	G13BS26.146	Rút chỉ thép, thẳng, hàm có răng cưa, dài 190mm	Cái	2	-	24 tháng	Rút chỉ thép, thẳng, hàm có răng cưa, dài 190mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
197	G13BS26.147	Gu, nghiêng về 1 bên, hàm dài 17mm và rộng 7.2mm, dài 240mm	Cái	2	-	24 tháng	Gu, nghiêng về 1 bên, hàm dài 17mm và rộng 7.2mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
198	G13BS26.148	Gu cong, dạng rất khỏe, lưỡi dài 17mm và rộng 8mm, dài 240mm	Cái	1	-	24 tháng	Gu cong, dạng rất khỏe, lưỡi dài 17mm và rộng 8mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
199	G13BS26.149	Gu thẳng, lưỡi dài 11mm và rộng 4.3mm, dài 180mm	Cái	2	-	24 tháng	Gu thẳng, lưỡi dài 11mm và rộng 4.3mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
200	G13BS26.150	Giữ xương thẳng, không có khóa, hàm có răng cưa, có thể điều chỉnh được hàm, hàm rộng 9mm, dài 230mm	Cái	1	-	24 tháng	Giữ xương thẳng, không có khóa, hàm có răng cưa, có thể điều chỉnh được hàm, hàm rộng 9mm, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
201	G13BS26.151	Lọc xương thẳng dài 19cm	Cái	3	-	24 tháng	Lọc xương thẳng, hàm sắc rộng 16mm, dài 190mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
202	G13BS26.152	Đục thẳng vát hai đầu, có tay cầm, mảnh, hàm sắc rộng 10mm, dài 205mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục thẳng vát hai đầu, có tay cầm, mảnh, hàm sắc rộng 10mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
203	G13BS26.153	Đục thẳng vát hai đầu, có tay cầm, mảnh, hàm sắc rộng 15mm, dài 205mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục thẳng vát hai đầu, có tay cầm, mảnh, hàm sắc rộng 15mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
204	G13BS26.154	Thìa nạo xương 2 đầu thẳng dài 20cm	Cái	1	-	24 tháng	Thìa nạo xương hai đầu, thẳng, sắc/sắc, hàm rộng 9.5mm và 11.9mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
205	G13BS26.155	Kéo cong phẫu tích, bản khỏe, lưỡi tù/tù, dài 17cm	Cái	2	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, bản khỏe, lưỡi tù/tù, dài 170mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
206	G13BS26.156	Phanh thẳng nhỏ, mảnh, hàm có răng cưa, dài 12.5cm	Cái	4	1	24 tháng	Phanh thẳng nhỏ, mảnh, hàm có răng cưa, dài 12.5mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
207	G13BS26.157	Phanh cong, hàm có răng cưa, dài 17.5cm	Cái	11	3	24 tháng	Phanh cong, hàm có răng cưa, dài 17.5mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
208	G13BS26.158	Phanh cong lớn, hàm có răng cưa, dài 23cm	Cái	8	2	24 tháng	Phanh cong lớn, hàm có răng cưa, dài 230mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
209	G13BS26.159	A sáng nhỏ, cong, răng nhọn 1x1, dài 11cm	Cái	1	-	24 tháng	A sáng nhỏ, cong, răng nhọn 1x1, dài 110mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
210	G13BS26.160	Kéo cong phẫu tích, dạng khỏe, lưỡi tù/tù, dài 14cm	Cái	3	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, dạng khỏe, lưỡi tù/tù, dài 140mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đóng bộ với bộ xương dùi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
211	G13BS26.161	Panh cong nhỏ - mảnh, hãm có răng cưa, dài 14cm	Cái	7	2	24 tháng	Panh cong nhỏ - mảnh, hãm có răng cưa, dài 140mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
212	G13BS26.162	Kim kẹp kim, hãm thẳng, hãm có răng cưa, hãm có rãnh dọc, hãm có rãnh cưa, hãm có rãnh dọc, dùng cho chỉ từ cỡ 3/0, dài 15cm	Cái	2	-	24 tháng	Kim kẹp kim, hãm thẳng, hãm có răng cưa, hãm có rãnh dọc, dùng cho chỉ từ cỡ 3/0, dài 150mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
213	G13BS26.163	Panh cong có máu, răng 1x2, mảnh, dài 16cm	Cái	3	-	24 tháng	Panh cong có máu, răng 1x2, mảnh, dài 160mm ± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
214	G13BS26.164	Kẹp phẫu tích có máu, thẳng, răng 1x2, cỡ trung bình, hãm rộng 1.7mm, dài 16cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích có máu, thẳng, răng 1x2, cỡ trung bình, hãm rộng 1.7mm, dài 160mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
215	G13BS26.165	éo phẫu tích thẳng, lưỡi nhọn/nhọn, lưỡi vát, dài 17.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo phẫu tích thẳng, lưỡi nhọn/nhọn, lưỡi vát, dài 175mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
216	G13BS26.166	Kéo mũi xoang, hãm cong trái, cỡ dọc, hãm 1 lưỡi có răng cưa, dùng trực tiếp hình ống, chiều dài làm việc 130mm± 5%	Cái	1	-	24 tháng	Kéo mũi xoang, hãm cong trái, cỡ dọc, hãm 1 lưỡi có răng cưa, dùng trực tiếp hình ống, chiều dài làm việc 130mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
217	G13BS26.167	Kẹp vách ngăn thẳng, chiều dài 11cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp vách ngăn, thẳng, chiều dài làm việc 110mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
218	G13BS26.168	Kéo cắt cuốn, cỡ trung bình, lưỡi có răng cưa, chiều dài 9.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo cắt cuốn, cỡ trung bình, lưỡi có răng cưa, chiều dài làm việc 95mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
219	G13BS26.169	Dao lưỡi hai, đầu nhọn, dài 19cm	Cái	1	-	24 tháng	Dao lưỡi hai, đầu nhọn, dài 190mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
220	G13BS26.170	Kéo mũi xoang cong phải dài 13cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo mũi xoang cong phải, cỡ công kết nối để làm sạch, chiều dài làm việc 130mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
221	G13BS26.171	Kéo mũi xoang cong trái dài 13cm có công kết nối	Cái	1	-	24 tháng	Kéo mũi xoang cong trái, cỡ công kết nối để làm sạch, chiều dài làm việc 130mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
222	G13BS26.172	Kéo mũi xoang, hãm thẳng có răng cưa, loại mảnh dài 11cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo mũi xoang, hãm thẳng, loại mảnh, hãm có răng cưa, lưỡi cắt dài 10mm, chiều dài làm việc 110mm± 5%, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
223	G13BS26.173	Kẹp phẫu tích không máu, thẳng, loại tiêu chuẩn, hãm có răng cưa rộng 3.5mm, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không máu, thẳng, loại tiêu chuẩn, hãm có răng cưa rộng 3.5mm, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
224	G13BS26.174	Gau lỏng mỏng, thẳng, có tay cầm, hãm sắc rộng 6mm, dài 240mm	Cái	2	-	24 tháng	Gau lỏng mỏng, thẳng, có tay cầm, hãm sắc rộng 6mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
225	G13BS26.175	Gau cong lỏng mỏng, có tay cầm, đầu sắc cỡ 5mm, dài 240mm	Cái	1	-	24 tháng	Gau cong lỏng mỏng, có tay cầm, đầu sắc cỡ 5mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
226	G13BS26.176	Đục thẳng, vát 1 bên, có tay cầm, đầu sắc rộng 20mm, dài 205mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục thẳng, vát 1 bên, có tay cầm, đầu sắc rộng 20mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
227	G13BS26.177	Đục thẳng, vát hai bên, đầu sắc rộng 10mm, chia độ 10mm, không có tay cầm, dài 180mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục thẳng, vát hai bên, đầu sắc rộng 10mm, chia độ 10mm, không có tay cầm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
228	G13BS26.178	Gau cong nhỏ, lưỡi dài 16mm và rộng 3.9mm, dài 180mm	Cái	1	-	24 tháng	Gau cong nhỏ, lưỡi dài 16mm và rộng 3.9mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
229	G13BS26.179	Gau thẳng, lưỡi dài 17mm và rộng 10.6mm, dài 240mm± 5%	Cái	2	-	24 tháng	Gau thẳng, lưỡi dài 17mm và rộng 10.6mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
230	G13BS26.180	Đục hãm to, thẳng, có tay cầm, đầu sắc cỡ 25mm, dài 240mm± 5%	Cái	1	-	24 tháng	Đục hãm to, thẳng, có tay cầm, đầu sắc cỡ 25mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
231	G13BS26.181	Đục lỏng mỏng thẳng dài 17cm có tay cầm	Cái	1	-	24 tháng	Đục lỏng mỏng, thẳng, có tay cầm, đầu sắc rộng 11mm, dài 170mm ± 5%, Có in laser Mã ma trên dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nối sợi của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lành thủ sản xuất	Ghi chú
232	G13BS26.182	Đục thẳng vát 1 bên dài 17cm có tay cầm	Cái	1	-	24 tháng	Đục thẳng, vát 1 bên, có tay cầm, đầu sắc rộng 6mm, dài 170mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
233	G13BS26.183	Đục thẳng, vát hai bên, đầu sắc rộng 8mm, không có tay cầm, dài 180mm	Cái	1	-	24 tháng	Đục thẳng, vát hai bên, đầu sắc rộng 8mm, không có tay cầm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
234	G13BS26.184	Kìm rút chỉ thép, mũi tròn, thẳng, hàm có răng cưa, hai hàm hoạt động, dài 180mm	Cái	1	-	24 tháng	Kìm rút chỉ thép, mũi tròn, thẳng, hàm có răng cưa, hai hàm hoạt động, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
235	G13BS26.185	Gu cong, dạng khỏe, lưỡi dài 17mm và rộng 5.5mm, dài 180mm	Cái	2	-	24 tháng	Gu cong, dạng khỏe, lưỡi dài 17mm và rộng 5.5mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
236	G13BS26.186	Gu nhỏ, thẳng, lưỡi dài 10.3mm và rộng 8mm, dài 175mm	Cái	1	-	24 tháng	Gu nhỏ, thẳng, lưỡi dài 10.3mm và rộng 8mm, dài 175mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
237	G13BS26.187	Lóc xương cong dài 19cm	Cái	1	-	24 tháng	Róc xương, đầu hơi cong, đầu sắc rộng 10mm, dài 190mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
238	G13BS26.188	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, mảnh, hàm có răng cưa chéo, hàm rộng 1.5mm, dài 20cm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, mảnh, hàm có răng cưa chéo, hàm rộng 1.5mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
239	G13BS26.189	Kéo cong phẫu tích, mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/h, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo cong phẫu tích, mảnh, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi tù/h, dài 14.5mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
240	G13BS26.190	Panh nhỏ thẳng, mảnh, hàm có răng cưa, dài 14cm	Cái	1	-	24 tháng	Panh nhỏ thẳng, mảnh, hàm có răng cưa, dài 140mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
241	G13BS26.191	Panh có mẫu 1x2, đầu hơi cong, dài 20.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Panh có mẫu 1x2, đầu hơi cong, dài 205mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
242	G13BS26.192	Kìm kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi bước răng 0.4mm dùng cho chỉ cỡ 4/0-6/0, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kìm kẹp kim, hàm thẳng, hàm phủ hợp kim các bon, cán vàng, lưỡi bước răng 0.4mm dùng cho chỉ cỡ 4/0-6/0, dài 145mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ xương tay của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
243	G13BS26.193	Đầu dò, cong, đầu bóng tròn, cỡ 1.5mm, dài 16.5cm	Cái	3	-	24 tháng	Đầu dò, cong, đầu bóng tròn, cỡ 1.5mm, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ ruột thừa của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
244	G13BS26.194	Panh có mẫu thẳng, hàm 1x2, mảnh, dài 20cm	Cái	1	-	24 tháng	Panh có mẫu thẳng, hàm 1x2, mảnh, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ ruột thừa của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
245	G13BS26.195	Kéo thẳng, lưỡi nhọn/h, hoạt tiêu chuẩn, hàm có phủ hợp kim các bon, cán vàng, dài 14.5cm	Cái	1	-	24 tháng	Kéo thẳng, lưỡi nhọn/h, hoạt tiêu chuẩn, hàm có phủ hợp kim các bon, cán vàng, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ ruột thừa của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
246	G13BS26.196	Kéo cắt chỉ thẳng, thẳng, dài 16.5cm	Cái	8	2	24 tháng	Kéo cắt chỉ thẳng, thẳng, bản khỏe, lưỡi vát mũi tù/h, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
247	G13BS26.197	Diske có mẫu dài (Kẹp phẫu tích có mẫu), răng 2x3, thẳng, hàm rộng 3.5mm, dài 20cm	Cái	4	1	24 tháng	Diske có mẫu dài (Kẹp phẫu tích có mẫu), răng 2x3, thẳng, hàm rộng 3.5mm, dài 200mm ± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
248	G13BS26.198	Curette to dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Thìa nạo xương to (curette to), thẳng, đầu sắc, cứng, hàm rộng 6.8mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
249	G13BS26.199	Curette be dài 18cm	Cái	1	-	24 tháng	Thìa nạo xương be (curette be), thẳng, đầu sắc, cứng, hàm rộng 4.4mm, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trận đồ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, Hốp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng hình ảnh sản xuất	Ghi chú
250	G13BS26.200	Đục lòng máng, thẳng, có tay cầm, đầu sắc rộng 20mm, dài 205mm	Cái	2	-	24 tháng	Đục lòng máng, thẳng, có tay cầm, đầu sắc rộng 20mm, dài 205mm± 5%, có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
251	G13BS26.201	Đục thẳng, có tay cầm, vát hai bên, đầu sắc rộng 13mm, dài 205mm	Cái	2	-	24 tháng	Đục thẳng, có tay cầm, vát hai bên, đầu sắc rộng 13mm, dài 205mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
252	G13BS26.202	Búa 850g	Cái	1	-	24 tháng	Búa to, tay cầm silicon, đầu búa nặng 850g, búa nặng 1160g, đầu búa đường kính 45mm, dài 240mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
253	G13BS26.203	Luồn chỉ thép to, cho tay phải, cong trái, tù, dài 28cm	Cái	1	-	24 tháng	Luồn chỉ thép to, cho tay phải, cong trái, tù, dài 280mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
254	G13BS26.204	Tuốc Nơ vít 2.5	Cái	4	1	24 tháng	Tuốc Nơ vít 2.5, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
255	G13BS26.205	Van chữ L, bản to, dài 23cm, hàm sâu 75mm và hàm rộng 40mm	Cái	4	1	24 tháng	Van chữ L bản to, dài 230mm± 5%, hàm sâu 75mm và hàm rộng 40mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
256	G13BS26.206	Farabaff (2 đầu to), hai đầu, dài 15cm, bộ 2 chiếc, chiếc 1: Lưỡi rộng 14mm, sâu 21mm và 17mm, chiếc 2: lưỡi rộng 16mm, sâu 22mm và 25mm, chiếc 2: lưỡi rộng 16mm, sâu 28mm và 32mm	Cái	2	-	24 tháng	Farabaff (2 đầu to), hai đầu, dài 150mm± 5%, bộ 2 chiếc, chiếc 1: Lưỡi rộng 14mm, sâu 21mm và 17mm, chiếc 2: lưỡi rộng 16mm, sâu 28mm và 32mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
257	G13BS26.207	Farabaff (2 đầu nhỏ) loại nhỏ, hai đầu, dài 12.5cm, bộ 2 chiếc, chiếc 1: Lưỡi rộng 10mm, sâu 22mm và 25mm, chiếc 2: lưỡi rộng 12mm, sâu 28mm và 32mm	Cái	3	-	24 tháng	Farabaff (2 đầu nhỏ) loại nhỏ, hai đầu, dài 125mm± 5%, bộ 2 chiếc, chiếc 1: Lưỡi rộng 10mm, sâu 22mm và 25mm, chiếc 2: lưỡi rộng 12mm, sâu 28mm và 32mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
258	G13BS26.208	Nẫy xương cong dài 22cm	Cái	2	-	24 tháng	Nẫy xương, cong, đầu nhọn có 5.7mm, hàm rộng 17mm, dài 220mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
259	G13BS26.209	Gu găm xương to, hàm dài: 12 mm, hàm rộng 9.80 mm, thẳng, dài 180mm	Cái	2	-	24 tháng	Gu găm xương to (Kim găm xương Luer), thẳng, dài 180mm± 5%, hàm dài: 12 mm, hàm rộng 9.80 mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
260	G13BS26.210	Phan tự động nhỏ, dài 13cm, 3 x4 răng, tù, độ mở bánh răng 55mm, lưỡi rộng 17mm và sâu 17mm	Cái	3	-	24 tháng	Phan tự động nhỏ, dài 130mm± 5%, 3 x4 răng, tù, độ mở bánh răng 55mm, lưỡi rộng 17mm và sâu 17mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X20Cr13, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
261	G13BS26.211	Kẹp giữ xương Kern-Lane, dài 240mm, có khóa cài, ngàm rộng 9mm	Cái	1	-	24 tháng	Kẹp giữ xương Kern-Lane, dài 240mm± 5%, có khóa cài, ngàm rộng 9mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
262	G13BS26.212	Kim cắt chỉ thép, thẳng, dài 470mm	Cái	4	1	24 tháng	Kim cắt chỉ thép, thẳng, dài 470mm± 5%, hai hàm hoạt động, đường kính chỉ thép tối đa lên tới 5mm, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
263	G13BS26.213	Kim xoắn chỉ thép (Kim rút chỉ thép), mẫu hàm răng, hàm có răng cưa, hàm hoạt động kép, dài 180mm	Cái	4	1	24 tháng	Kim xoắn chỉ thép (Kim rút chỉ thép), mẫu hàm răng, hàm có răng cưa, hàm hoạt động kép, dài 180mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với dụng cụ của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
264	G13BS26.214	Uốn nẹp nhỏ, dài 20cm	Cái	2	-	24 tháng	Uốn nẹp nhỏ, dài 200mm	Không yêu cầu	
265	G13BS26.215	Tuốc nơ vít 4.5, dài 260mm	Cái	4	1	24 tháng	Tuốc nơ vít 4.5, dài 260mm	Không yêu cầu	
266	G13BS26.216	Panh cong nhỏ đầu to, hàm có răng cưa, dài 13cm	Cái	4	1	24 tháng	Panh cong nhỏ đầu to, hàm có răng cưa, dài 130mm ± 5%, có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích với bộ nối soi khớp gổ dùng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
267	G13BS26.217	Panh cong phẫu tích, hàm dài 40mm, hàm có răng cưa, dài 20cm	Cái	2	-	24 tháng	Panh cong phẫu tích, hàm dài 40mm, hàm có răng cưa, dài 200mm ± 5%, có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích với bộ nối soi khớp gổ dùng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
268	G13BS26.218	Kéo cắt chỉ thẳng, thẳng, bản khỏe, lưỡi vát, mũi tù/tu, dài 16.5cm	Cái	2	-	24 tháng	Kéo cắt chỉ thẳng, thẳng, bản khỏe, lưỡi vát, mũi tù/tu, dài 165mm± 5%, Có in laser Mã ma trên đầu liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hộp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích với bộ nối soi khớp gổ dùng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
269	G13BS26.219	Luồn chỉ thường	Cái	1	-	24 tháng	Luồn chỉ, sử dụng tương thích với bộ nối soi khớp gổ dùng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
270	G13BS26.220	Dụng cụ lấy gân kin	Cái	1	-	24 tháng	Dụng cụ lấy gân kin 7mm, sử dụng tương thích với bộ nối soi khớp gổ dùng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
271	G13BS26.221	Dụng cụ lấy gân bờ	Cái	1	-	24 tháng	Dụng cụ lấy gân bờ, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
272	G13BS26.222	Bàn căng gân	Cái	1	-	24 tháng	Bàn căng gân, bao gồm: - Băng cắt - Băng căng gân - Bàn trượt - Dụng cụ giữ gân - Hộp hấp bán căng gân	G7 hoặc Châu Âu	
273	G13BS26.223	Thuốc đo gân	Cái	1	-	24 tháng	Thuốc đo gân, Block đo gân đường kính 4.5 đến 13mm, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
274	G13BS26.224	Súng khâu sụn viên	Cái	1	-	24 tháng	Súng khâu sụn viên - Phù hợp với chỉ khâu FiberWire® cỡ 2-0 và 0, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
275	G13BS26.225	Súng khâu gân chóp xoay	Cái	1	-	24 tháng	Súng khâu gân chóp xoay - Có thể kẹp mô, đưa và thu chỉ FiberWire®, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
276	G13BS26.226	Súng khâu sụn chêm vai	Cái	1	-	24 tháng	Súng khâu sụn chêm - Đưa và thu chỉ FiberWire® cỡ #2 qua cùng một đường, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
277	G13BS26.227	Súng khâu sụn chêm khớp gối	Cái	1	-	24 tháng	Súng khâu sụn chêm, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
278	G13BS26.228	Kim cắt sụn chêm ngược trái	Cái	1	-	24 tháng	Kim cắt sụn chêm ngược trái, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
279	G13BS26.229	Kim cắt sụn chêm ngược phải	Cái	1	-	24 tháng	Kim cắt sụn chêm ngược phải, sử dụng tương thích với bộ sợi khớp gối đang sử dụng tại Bệnh viện	G7 hoặc Châu Âu	
280	G13BS26.230	Dây dẫn sáng	Cái	1	-	24 tháng	Dây dẫn/nguồn sáng, chịu nhiệt cao, với khóa an toàn, đường kính 4,8 mm, chiều dài 250 cm, dùng với ống soi cỡ 10mm ICG, được khuyến nghị để đánh giá tủy máu được hỗ trợ bằng huỳnh quang sử dụng ICG, sử dụng tương thích với Dán mô nội soi và phụ kiện nội soi của hãng Karlstorf đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
281	G13BS26.231	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, cỡ tiêu chuẩn, hàm có răng của rộng 3.9mm, dài 20cm	Cái	10	3	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, cỡ tiêu chuẩn, hàm có răng của rộng 3.9mm, dài 200mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ mô của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
282	G13BS26.232	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, cỡ tiêu chuẩn, hàm có răng của rộng 4.1mm, dài 25cm	Cái	10	3	24 tháng	Kẹp phẫu tích không mẫu, thẳng, cỡ tiêu chuẩn, hàm có răng của rộng 4.1mm, dài 250mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ mô của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
283	G13BS26.233	Ăng cơ, thẳng, hàm oval, hàm có răng của, cỡ lỗ, dài 24.5mm	Cái	10	3	24 tháng	Ăng cơ, thẳng, hàm oval, hàm có răng của, cỡ lỗ, dài 24.5mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ mô của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
284	G13BS26.234	Đẩy Hộp hấp 3/4	Cái	2	-	24 tháng	Đẩy hộp dụng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 3/4, không có lỗ thủng ở đáy, kích thước (LxWxH): 470 x 274 x 120mm	G7 hoặc Châu Âu	
285	G13BS26.235	Nắp Hộp hấp 3/4	Cái	2	-	24 tháng	Nắp hộp, tiêu chuẩn cỡ 3/4, kích thước (LxWxH): 463 x 285 x 46 mm	G7 hoặc Châu Âu	
286	G13BS26.236	Khay lưới đựng dụng cụ 3/4	Cái	2	-	24 tháng	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 3/4, kích thước (LxWxH): 406 x 253 x 76mm	G7 hoặc Châu Âu	
287	G13BS26.237	Kẹp phẫu tích vi phẫu có mẫu Adson, thẳng, mảnh, răng 1x2, hàm rộng 0.8mm, dài 12cm	Cái	2	-	24 tháng	Kẹp phẫu tích vi phẫu có mẫu Adson, thẳng, mảnh, răng 1x2, hàm rộng 0.8mm, dài 120mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ vi phẫu của hãng Aesculaps (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
288	G13BS26.238	Đệm Hộp hấp 3/4	Cái	2	-	24 tháng	Đệm giữ silicon, tiêu chuẩn, cỡ 3/4, kích thước: 402 x 250mm	G7 hoặc Châu Âu	
289	G13BS26.239	Panh thẳng không mẫu 16cm	Cái	122	36	24 tháng	- Kích thước khoảng 16cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 4cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	
290	G13BS26.240	Kẹp phẫu tích thẳng không mẫu 16cm	Cái	55	16	24 tháng	- Kích thước khoảng 16cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ, không mẫu. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C.	Không yêu cầu	
291	G13BS26.241	Kéo cong tù nhọn 16cm	Cái	63	18	24 tháng	- Kích thước 16.5cm, loại cong, 1 đầu tù, 1 đầu nhọn. - Chiều dài làm việc lưỡi kéo 5.1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C. - Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm.	Không yêu cầu	
292	G13BS26.242	cán dao số 3	Cái	8	2	24 tháng	- Kích thước khoảng 12.5cm - Chất liệu: thép không gỉ	Không yêu cầu	
293	G13BS26.243	Kẹp Xương 11cm	Cái	26	7	24 tháng	- Kích thước khoảng 11cm, đầu kẹp hơi tù - Chất liệu: thép không gỉ	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
294	G13BS26.244	Kim kẹp kim 16cm	Cái	11	3	24 tháng	- Kích thước: khoảng 16cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
295	G13BS26.245	Kéo cong nhọn 16cm	Cái	12	3	24 tháng	- Kích thước: 16cm, cong, đầu nhọn-nhọn. - Chiều dài làm việc lưỡi kéo 5,1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥ 134 độ C.	Không yêu cầu	
296	G13BS26.246	Kéo nhọn thẳng 16cm	Cái	6	1	24 tháng	- Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm. - Kích thước: kéo khoảng 16,5cm, đầu nhọn, lưỡi thẳng - Lưỡi kéo dài khoảng 5,7cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
297	G13BS26.247	Kẹp phẫu tích thẳng có mẫu 16cm	Cái	22	6	24 tháng	- Kích thước: khoảng 16cm, thẳng, đầu kẹp nhỏ, có mẫu. - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C.	Không yêu cầu	
298	G13BS26.248	Panh thẳng có mẫu 16cm	Cái	1	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 16cm, đầu thẳng, có mẫu chiều dài đầu kẹp khoảng 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
299	G13BS26.249	Panh 3 chiều 14cm	Cái	1	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 14cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
300	G13BS26.250	Panh thẳng không mẫu 12cm	Cái	2	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 12cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
301	G13BS26.251	Kéo cong nhọn, đầu thẳng	Cái	3	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 11,5cm, đầu thẳng, chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2,5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	G7 hoặc Châu Âu	
302	G13BS26.252	Kim kẹp kim 18cm	Cái	7	2	24 tháng	- Kích thước: khoảng 18cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
303	G13BS26.253	Pha ra bóp	Cái	7	2	24 tháng	- Kích thước: khoảng 12cm, có 2 kích cỡ: fig.1=30x13mm, fig.2=34x13mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
304	G13BS26.254	Panh thẳng không mẫu 18cm	Cái	19	5	24 tháng	- Kích thước: khoảng 18cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
305	G13BS26.255	Panh cong không mẫu 16cm	Cái	75	22	24 tháng	- Kích thước: khoảng 16cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 4,8cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
306	G13BS26.256	Panh thẳng không mẫu 20cm	Cái	29	8	24 tháng	- Kích thước: khoảng 20cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
307	G13BS26.257	Pha ra bóp 15cm	Cái	2	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 15cm, có 2 kích cỡ: fig.1=23x16mm, fig.2=27x16mm - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
308	G13BS26.258	Panh tư động 3x4 răng 14cm	Cái	2	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 14cm, đầu kẹp có 3x4 răng tù, có khóa giữ - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
309	G13BS26.259	Nạo 2 đầu	Cái	5	1	24 tháng	- Kích thước: khoảng 20cm, 2 đầu - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
310	G13BS26.260	Nạo 1 đầu	Cái	5	1	24 tháng	- Kích thước: khoảng 17cm, 1 đầu - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
311	G13BS26.261	Kim kẹp kim 20cm	Cái	3	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 20cm, đầu thẳng, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: $\pm 3\%$	Không yêu cầu	
312	G13BS26.262	Kẹp răng chuột 4x5T, 15cm	Cái	5	1	24 tháng	- Kích thước: khoảng , đầu kẹp có răng - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
313	G13BS26.263	Panh cong không mẫu 12cm	Cái	5	1	24 tháng	- Kích thước khoảng 12cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
314	G13BS26.264	Panh cong không mẫu 14cm	Cái	2	-	24 tháng	- Kích thước khoảng 14cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 2.5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
315	G13BS26.265	Kéo thẳng nhọn 16.5cm	Cái	17	5	24 tháng	- Kích thước 16.5cm, loại thẳng, 2 đầu nhọn. - Chiều dài làm việc lưỡi kéo 5,1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C. - Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm.	G7 hoặc Châu Âu	
316	G13BS26.266	Kéo cong nhọn tù 18.5cm	Cái	1	-	24 tháng	- Kích thước 18.5cm, loại cong, 1 đầu tù, 1 đầu nhọn. - Chiều dài làm việc lưỡi kéo 5,1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C.	Không yêu cầu	
317	G13BS26.267	Panh cong không mẫu 20cm	Cái	4	1	24 tháng	- Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm. - Kích thước khoảng 20cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 6cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	
318	G13BS26.268	Kéo thẳng nhọn tù 20cm	Cái	4	1	24 tháng	- Kích thước: kéo khoảng 20cm, 1 đầu nhọn - 1 đầu tù, lưỡi thẳng - Lưỡi kéo dài khoảng 7cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
319	G13BS26.269	Kìm mở miệng 13cm	Cái	1	-	24 tháng	- Kích thước khoảng 13cm, có ốc vặn điều chỉnh, tay cầm hình oval - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	
320	G13BS26.270	Kéo thẳng nhọn 11.5cm	Cái	8	2	24 tháng	- Kích thước: khoảng 11.5cm, đầu thẳng, chiều dài làm việc đầu kéo khoảng 2.5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
321	G13BS26.271	Panh cong có mẫu 18cm	Cái	1	-	24 tháng	- Kích thước: khoảng 18cm, đầu cong, chiều dài đầu kẹp khoảng 4.8cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	
322	G13BS26.272	Panh sắt khuôn đầu rắn 25cm	Cái	62	18	24 tháng	- Kích thước: khoảng 25cm, thẳng - Chiều dài làm việc đầu kẹp khoảng 2.5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
323	G13BS26.273	Panh tự động 3x4 răng 11cm	Cái	1	-	24 tháng	- Kích thước khoảng 13cm, đầu kẹp có 3x4 răng tù, có khóa giữ - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
324	G13BS26.274	Mỏ vít cỡ tiêu	Cái	50	15	24 tháng	- Kích thước 75x20mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
325	G13BS26.275	Que nong ngắn	Cái	1	-	24 tháng	- đầu nong kích thước 1fr - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
326	G13BS26.276	Rổ lưới	Cái	30	9	24 tháng	- Rổ lưới hấp dụng cụ, kích thước (520x260x80)mm - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C.	Không yêu cầu	
327	G13BS26.277	Mỏ vít cỡ trung bình	Cái	65	19	24 tháng	- Kích thước 90x35mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
328	G13BS26.278	Kẹp cổ tử cung cỡ 25cm	Cái	22	6	24 tháng	- Kích thước kẹp dài 25cm, loại thẳng, 2 đầu nhỏ có mẫu, không gây tổn thương. - Chiều dài làm việc đầu kẹp 7,4cm, khoảng cách 2 cạnh làm việc của đầu kẹp 1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp sấy ở nhiệt độ ≥134 độ C.. - Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm.	Không yêu cầu	
329	G13BS26.279	Kéo cong nhọn, đầu nhọn	Cái	5	1	24 tháng	- Chiều dài kéo khoảng 11.5cm, cong, đầu nhọn. - Lưỡi kéo có răng cưa, phủ tungsten carbide. - Chiều dài lưỡi kéo khoảng 2.2cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	G7 hoặc Châu Âu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lành thổ sản xuất	Ghi chú
330	G3.826.280	Mỏ mũi inox	Cái	3	-	24 tháng	- Kích thước khoảng 13cm - Chiều dài kẹp đầu mũi dài khoảng 5cm - tay cầm trơn trượt - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp thụ ở nhiệt độ 134 độ C	Không yêu cầu	
331	G3.812	Bộ khớp hàng toàn phần không xi măng dạng snap fit, chòm CoCr	Bộ	20	6	24 tháng	1. Chuôi khớp: không xi măng phủ titanium plasma (TPS) gồm 9 cỡ chiều dài từ 105mm đến 164mm. Góc cổ chuôi khoảng 127 độ 2. Chòm khớp: Chất liệu CoCr, gồm các size đường kính 28mm, 32mm, 36mm 3. Ổ cốt toàn phần phủ titanium plasma (TPS), đường kính trong có kích thước khoảng 38-52mm, đường kính ngoài có kích thước khoảng 44-62mm 4. Lõi ổ cốt toàn phần chất liệu PE siêu liên kết, dạng snap fit giúp giảm thời gian phẫu thuật, góc bờ chống trượt 12 độ 5. Vít ổ cốt Chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính trong khoảng 6,3mm, chiều dài 25mm - 35mm.	G7	
332	G3.813	Bộ khớp hàng toàn phần không xi măng dạng snap fit, chòm ceramic	Bộ	20	6	24 tháng	1. Chuôi khớp: không xi măng phủ titanium plasma (TPS) gồm 9 cỡ chiều dài từ 105mm đến 164mm. Góc cổ chuôi khoảng 127 độ 2. Chòm khớp: Chất liệu Ceramic, gồm các size đường kính 28mm, 32mm, 36mm 3. Ổ cốt toàn phần phủ titanium plasma (TPS), đường kính trong có kích thước khoảng 38-52mm, đường kính ngoài có kích thước khoảng 44-62mm 4. Lõi ổ cốt toàn phần chất liệu PE siêu liên kết, dạng snap fit giúp giảm thời gian phẫu thuật, góc bờ chống trượt 12 độ 5. Vít ổ cốt Chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính trong khoảng 6,3mm, chiều dài 25mm - 35mm.	G7	
333	G3.798	Vít điều chỉnh chiều dài	Cái	200	60	24 tháng	Chất liệu vòng treo: Polyethylene trong lượng phân tử cao (UHMWPE) Chất liệu vít khóa: Titanium Kích thước nút khóa có tối thiểu 3 loại: 8mm, 14mm và 20mm Chiều dài vòng có thể điều chỉnh: 60mm, 90mm và 100mm Cơ chế khóa chéo kẹp an toàn, đảm bảo có định chắc chắn. Chú trúc các sy chỉ màu khác nhau ở mỗi bên của nút để hỗ trợ việc kéo và lật nút.	Không yêu cầu	
334	G3.799	Chỉ phẫu thuật	Cái	100	30	24 tháng	Chỉ siêu bền số 2, chất liệu UHMWPE, chiều dài chỉ ≥ 90 cm. Hình dáng kim 1/2 vòng tròn, chiều dài 26mm.	Không yêu cầu	
335	G3.800	Vít treo điều chỉnh chiều dài chất liệu PEEK	Cái	200	60	24 tháng	Chất liệu vòng chỉ UHMWPE có chiều dài 90mm, có lực kéo tối đa 1600N Nút có định chất liệu PEEK gồm có 2 loại dạng kim và dạng mở	Không yêu cầu	
336	G3.801	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy	Cái	200	60	24 tháng	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy loại có bộ lọc bảo vệ trước khi vào bề điều tiết, có đường nước ra vào riêng biệt, loại có đầu lọc bảo vệ, dạng kết nối luer. Lưu lượng nước tối đa có thể chạy qua dây 1500ml/phút, áp suất tối đa 200mmHg	G7	
337	G3.802	Lưới chắt sỏi bằng sợi quang radio dùng trong nội soi khớp loại 3 công	Cái	200	60	24 tháng	Có van khóa 3 công Đường kính từ 3,2mm đến 4,3mm, có tối thiểu 2 loại góc nghiêng 75 độ và 90 độ, chiều dài từ 135mm đến 220mm. Sử dụng dây vonfram được uốn cong Sử dụng các lỗ hình bán nguyệt lớn	Không yêu cầu	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
338	G3.803	Lưới bảo khớp các cơ	Cái	200	60	24 tháng	Lưới bảo nội soi khớp gồm tối thiểu 3 loại lưới răng cưa hai bên, răng cưa một bên, bán nguyệt Có tối thiểu 3 loại đường kính từ 2,9mm - 4,0mm, tương ứng tối thiểu 2 chiều dài từ 82mm - 130mm	Không yêu cầu	
339	G3.804	Mũi khoan ngược	Cái	100	30	24 tháng	Mũi khoan ngược chất liệu thép không gỉ hoặc hợp kim titanium Đường kính 4,5mm gồm có các loại chiều dài trong khoảng từ 6,0mm - 10mm (bước lỗ 0,5mm) Đường kính 6,0mm có 2 loại chiều dài 11mm và 12mm	Không yêu cầu	
340	G3.805	Vít neo chôn chỉ, chất liệu PEEK	Cái	100	30	24 tháng	Vít neo chôn chỉ chất liệu PEEK Thiết kế gồm tối thiểu 2 dạng là dạng chêm và dạng vít Đường kính gồm các cỡ 2,4mm, 2,8mm, 4,8mm và 5,5mm Có khả năng uốn và có định dạng thời từ 4-6 sợi chỉ	Không yêu cầu	
341	G3.806	Vít neo dùi chất liệu Titanium	Cái	50	14	24 tháng	Vít neo dùi chất liệu Titanium, được uốn sẵn 2 sợi chỉ số 2 chất liệu UHMWPE Thiết kế dạng vít Đường kính gồm các cỡ 2,8mm, 4,8mm và 5,5mm, đuôi vít được gắn với thân bắt vít	Không yêu cầu	
342	G3.807	Vít neo dùi chất liệu nhôm học	Cái	100	30	24 tháng	Vít neo dùi chất liệu PLDLA+β-TCP, được uốn sẵn 2 sợi chỉ số 2 chất liệu UHMWPE Thiết kế gồm tối thiểu 2 dạng là dạng chêm và dạng vít Đường kính gồm các cỡ 2,8mm, 4,8mm và 5,5mm, đuôi vít được gắn với thân bắt vít	Không yêu cầu	
343	G13BS26.281	Bàn ăn gắn giường	Chiếc	40	12	24 tháng	Vật liệu: Nhựa ABS Kích thước: 87*35cm Hỗ trợ điều chỉnh chiều rộng để gắn vào giường	Không yêu cầu	
344	G13BS26.282	Giế da nung chuyên dùi thành giường có bánh xe	Chiếc	6	1	24 tháng	Khung ghế kèm bánh xe và đèn led - Khung ghế làm bằng thép, được sơn Epoxy chống khuẩn với chiều dày lớp sơn 0.12 mm, độ sáng 60°, sơn có thể chịu được va đập 50kg - Tay vịn hai bên có bề mặt nhám, chống trơn trượt và bền. - Khi kéo dài chiều dài, ghế có chức năng như giường đơn - Da bọc ghế làm bằng vật liệu chống cháy, chống ổ vàng, chống nấm mốc, chống uốn cong, khả năng chịu uốn gấp tốt, độ bền mài mòn lên đến 100.000 lần. - Trục đầu: Thiết kế giúp bảo vệ đốt sống cổ và mang lại cảm giác thoải mái khi nghỉ ngơi - Bánh xe với các kích thước: 2", 3" chống tĩnh điện, chống thấm nước và kháng khuẩn. - Kích thước khi ở dạng gập: 680 x 720 x 940 mm - Kích thước khi ở dạng giường: 680 x 1900 x 590 mm	Không yêu cầu	
345	G1.774	Chổi rửa dụng cụ các cơ	Cái	300	90	24 tháng	Chổi rửa dụng cụ các cơ	Không yêu cầu	
346	G13BS26.283	Kéo thẳng, lưới vat, lưới từ/từ, loại tiêu chuẩn, dài 14,5cm		2	0	24 tháng	Kéo thẳng, lưới vat, lưới từ/từ, loại tiêu chuẩn, dài 145mm± 5%, Có in laser Mã ma trận dữ liệu (Data Matrix Code) trên thân dụng cụ. Hợp kim thép X50CrMoV15, sử dụng tương thích, đồng bộ với bộ nội của hãng Aesculape (Đức) đang sử dụng tại Bệnh viện	Không yêu cầu	
347	G13BS26.284	Khay Inox 225x160mm		73	21	24 tháng	- Kích thước 225x160x20mm - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
348	G13BS26.285	Bát Inox dk 8cm		99	29	24 tháng	- Kích thước phi 8cm - Inox 201	Việt Nam	
349	G13BS26.286	Khay đậu nhô 600ml		21	6	24 tháng	- Dung tích 600ml - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
350	G13BS26.287	Khay Inox 250x200x30mm		145	43	24 tháng	- Kích thước (250x200x30) mm - Inox 304	Việt Nam	
351	G13BS26.288	Tru cầm panh		38	11	24 tháng	- Kích thước: 15cm - Vật liệu: Inox 201	Việt Nam	

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thời gian thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Ghi chú
352	G13BS26.289	Hộp đựng bông tiêm	Cái	16	4	24 tháng	Hộp đựng bông tiêm - Kích thước phi 8cm - Inox 201	Việt Nam	
353	G13BS26.290	Khay đựng sâu 825 ml	Cái	25	7	24 tháng	- Dung tích 825ml - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
354	G13BS26.291	Bát Inox dk 10cm	Cái	97	29	24 tháng	Hộp đựng bông tiêm - Kích thước phi 10cm - Inox 201	Việt Nam	
355	G13BS26.292	Bát Inox dk 20cm	Cái	47	14	24 tháng	- Kích thước phi 20cm - Inox 201	Việt Nam	
356	G13BS26.293	Bát Inox dk 12cm	Cái	24	7	24 tháng	- Kích thước phi 12cm - Inox 201	Việt Nam	
357	G13BS26.294	Khay Inox 425x325mm	Cái	90	27	24 tháng	- Kích thước 425x325x25mm - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
358	G13BS26.295	Bát inox dk 16cm	Cái	20	6	24 tháng	- Kích thước phi 16cm - Inox 201	Việt Nam	
359	G13BS26.296	Bát Inox dk 14cm	Cái	32	9	24 tháng	- Kích thước phi 14cm - Inox 201	Việt Nam	
360	G13BS26.297	Mô vịt Cusco cỡ trung	Cái	64	19	24 tháng	- Kích thước: 46x110mm; - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	
361	G13BS26.298	Hộp inox tròn cỡ 36cm	Cái	25	7	24 tháng	- Kích thước 360x185mm - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	
362	G13BS26.299	Hộp inox tròn cỡ 30cm	Cái	25	7	24 tháng	- Kích thước 300x220mm - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	
363	G13BS26.300	Hộp inox tròn cỡ 25cm	Cái	25	7	24 tháng	- Kích thước 260x130mm - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	
364	G13BS26.301	Khay kích thước 32x24x4cm	Cái	5	1	24 tháng	- Kích thước: 22x32x4cm - Vật liệu: Inox304	Việt Nam	
365	G13BS26.302	Hộp đựng bông tiêm	Cái	24	7	24 tháng	Hộp đựng bông tiêm - Kích thước phi 10cm - Inox 201	Việt Nam	
366	G13BS26.303	Khay đầu nhỏ 425ml	Cái	28	8	24 tháng	- Dung tích 425ml - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
367	G13BS26.304	Hộp inox hình chữ nhật kích thước 26x13cm	Cái	2	0	24 tháng	- Kích thước: 320x165x65mm - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
368	G13BS26.305	Van âm đạo 38x80mm	Cái	6	1	24 tháng	- Kích thước 38x80mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp thụ ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Việt Nam	
369	G13BS26.306	Kẹp hình tim trắng, có răng nhỏ	Cái	2	0	24 tháng	- Kích thước: 22.5cm; 9 inch; 2 đầu hình tim, có răng loại răng nhỏ. - Chất liệu: thép không gỉ	Việt Nam	
370	G13BS26.307	Bát Inox dk 22cm	Cái	17	5	24 tháng	- Kích thước phi 22cm - Inox 201	Việt Nam	
371	G13BS26.308	Đồ lưới inox	Cái	3	0	24 tháng	- Thân chữ V (28x32mm) - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	
372	G13BS26.309	Khay đầu KT (19x12x1,5)cm	Cái	30	9	24 tháng	- Kích thước: 19x12x1.5cm; - Vật liệu: inox 201	Việt Nam	
373	G13BS26.310	Bát inox phi 18	Cái	20	6	24 tháng	- Kích thước phi 18cm - Inox 201	Việt Nam	
374	G1.775	Sữa tắm sơ sinh	Chai	1.373	411	24 tháng	Thành phần sữa tắm: Water, Cocamidopropyl Betaine, PEG-80 Sorbitan Laurate, Glycerin, PEG-150 Pentaerythrityl Tetraacetate, PPG-2 Hydroxyethyl Cocamide, Decyl Glucoside, Phenoxethanol 0.54%, Sodium Methyl Cocoyl Taurate, Sodium Benzoate 0.5%, Fragrance, Citric Acid, Ethylhexylglycerin	Không yêu cầu	